

## MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	3,5
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng. Góc.	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

## BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.  Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.	<b>Vận dụng:</b> – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, số thập phân trong tính toán.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)	
			<b>Vận dụng:</b> – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. <b>Vận dụng cao:</b> Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng.	Bài 4 (1đ)			
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng. Góc.	<b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được các góc. - Vẽ và đặt tên được đường thẳng.	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	

**Câu 1:** Tính: (2,25đ)

a)  $\frac{-7}{4} + \frac{6}{5} - \frac{2}{3}$

b)  $1\frac{1}{9} \cdot \left(\frac{3}{-5} - 1,2\right)$

c)  $\frac{1}{2} + \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \dots + \frac{1}{90}$

**Câu 2:** Tìm x: (2,25đ)

a)  $\frac{5}{4}x + \frac{-7}{6} = \frac{3}{8}$

b)  $3,2 - (x - 1,4) = 20\%$

c)  $\frac{-7}{8}x - \frac{3}{2}x = \frac{-3}{4}$

**Câu 3:** (2,5đ)

a) Nhà bạn Mai có một mảnh vườn có diện tích  $500 \text{ m}^2$ . Ba bạn Mai đã đào một cái ao nuôi cá diện tích bằng  $\frac{1}{5}$  diện tích mảnh vườn, và làm 1 ngôi nhà mát có diện tích bằng  $\frac{3}{10}$  diện tích cái ao, phần đất còn lại trồng rau. Em hãy tính diện tích phần trồng rau?

b) Bạn An được cô giao cho một số bài tập về nhà. Ngày thứ nhất An làm được  $\frac{1}{4}$  số bài tập, ngày thứ hai An làm được  $\frac{4}{9}$  số bài tập còn lại. Sau hai ngày làm bài, An đếm thấy còn lại 10 bài tập chưa làm. Hỏi cô đã giao cho An bao nhiêu bài tập?

**Câu 4:** (1đ) Cho hình vẽ, hãy xác định tâm đối xứng, trục đối xứng (nếu có) của mỗi hình. (vẽ xác định trên hình và nêu rõ bằng lời)



**Câu 5:** (1đ) Một khách hàng A gửi 200 triệu đồng với lãi suất không kì hạn là  $0,5\%/1$  năm. Hãy tính số tiền lãi khách A nhận được sau 45 ngày? (làm tròn đến hàng nghìn)

**Câu 6:** (1đ) Vẽ hai đường thẳng AB và CD cắt nhau tại O. Hãy kể tên các góc (khác góc bẹt) có trên hình.

-----**HẾT**-----

## HƯỚNG DẪN CHẤM

**Câu 1:** Tính: (2,25đ)

$$\text{a/ } \frac{-7}{4} + \frac{6}{5} - \frac{2}{3}$$
$$= \frac{-105 + 72 - 40}{60} \quad 0,5\text{đ}$$

$$= \frac{-73}{60} \quad 0,5\text{đ}$$

$$\text{b/ } 1\frac{1}{9} \cdot \left( \frac{3}{-5} - 1,2 \right)$$
$$= \frac{10}{9} \cdot \left( \frac{-3}{5} - \frac{6}{5} \right) \quad 0,25\text{đ}$$

$$= \frac{10}{9} \cdot \frac{-9}{5} \quad 0,25\text{đ}$$

$$= -2 \quad 0,25\text{đ}$$

$$\text{c/ } \frac{1}{2} + \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \dots + \frac{1}{90}$$
$$= \frac{9}{10} \quad 0,5\text{đ}$$

**Câu 2:** Tìm x:

$$\text{a/ } \frac{5}{4}x + \frac{-7}{6} = \frac{3}{8}$$
$$\frac{5}{4}x = \frac{37}{24} \quad 0,5\text{đ}$$

$$x = \frac{37}{30} \quad 0,5\text{đ}$$

$$\text{b/ } 3,2 - (x - 1,4) = 20\%$$
$$x - 1,4 = 3,2 - 0,2 \quad 0,25\text{đ}$$

$$x = 3 + 1,4 \quad 0,25\text{đ}$$

$$x = 4,4 \quad 0,25\text{đ}$$

$$\text{c/ } \frac{-7}{8}x - \frac{3}{2}x = \frac{-3}{4}$$
$$x \frac{-19}{8} = \frac{-3}{4} \quad 0,25\text{đ}$$

$$x = \frac{6}{19}$$

0,25đ

**Câu 3:** (2,5đ)

a) Diện tích cái ao là:  $\frac{1}{5} \cdot 500 = 100 \text{ m}^2$  0,5đ

Diện tích ngôi nhà mát là:  $\frac{3}{10} \cdot 100 = 30 \text{ m}^2$  0,5đ

Diện tích trồng rau là:  $500 - 100 - 30 = 370 \text{ m}^2$  0,5đ

b) Tìm được số phần bài tập An làm trong ngày thứ 3 là  $\frac{5}{12}$  0,5đ

Tổng số bài tập được giao là 24 bài 0,5đ

**Câu 4:** (1đ) Mỗi hình đúng 0,5 đ

**Câu 5:** (1đ) Số tiền lãi khách A nhận được sau 45 ngày

$$200\,000\,000 \cdot 0,5\% \cdot \frac{45}{365} \approx 123\,000 \text{ đ}$$

Đúng biểu thức tính 0,5đ, kết quả 0,25đ, làm tròn 0,25đ.

**Câu 6:** (1đ) Vẽ đúng 2 đường thẳng AB và CD cắt nhau tại O 0,5đ

Kẻ đúng 4 góc 0,5đ

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhậ n biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	3,5
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được số đối của một phân số.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai số thập phân cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân.</li> <li>Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</li> </ul>	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ )	Bài 1c (0,5đ)	
			<p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai phân số cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.</li> <li>Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.</li> <li>Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.</li> <li>Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.</li> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</li> </ul>	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ )	Bài 2c (0,5đ)	
		<p>Giá trị phân số của một số.</p> <p>Tỉ số và tỉ số phần trăm.</p>		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	

			<p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</li> </ul>				
2	<p><b>Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên</b></p>	<p>Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.</p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng.</li> <li>– Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</li> </ul>	Bài 4 (1đ)			
3	<p><b>Các hình học cơ bản</b></p>	<p>Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc</p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.</li> <li>– Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).</li> <li>– Nhận biết được khái niệm số đo góc.</li> </ul>	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	



**Bài 1: (2,25 điểm)** Tính giá trị biểu thức (Tính hợp lí nếu có thể)

a)  $\frac{-9}{5} + \frac{4}{5}$

b)  $\frac{-5}{8} - \frac{1}{3} + \frac{-7}{6}$

c)  $\frac{2}{3} \cdot \frac{-1}{11} + \frac{2}{3} \cdot \frac{-10}{11} + 3\frac{1}{3}$

**Bài 2. (2,25 điểm)** Tìm x, biết:

a)  $x - \frac{3}{5} = -1,5$

b)  $\frac{-2}{5}x + \frac{2}{3} = \frac{7}{15}$

c)  $\frac{x}{10} = \frac{-2}{5}$

**Bài 3: (2,5 điểm)**

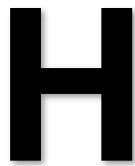
Lớp 6A có 48 học sinh, trong đó số học sinh nữ chiếm  $\frac{5}{8}$  số học sinh cả lớp. Hỏi

- Lớp 6A có bao nhiêu học sinh nam
- Số học sinh nam chiếm bao nhiêu phần trăm so với số học sinh cả lớp?

**Bài 4 (1,0 điểm):** Cho các hình sau:



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

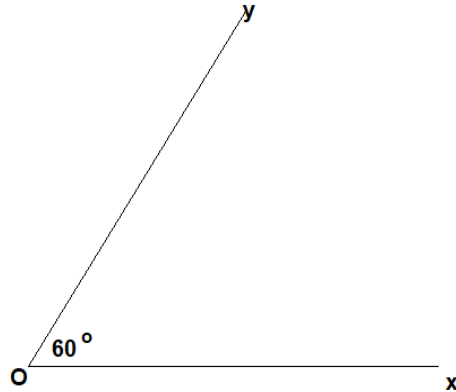
- Hình nào có trục đối xứng?
- Hình nào có tâm đối xứng?
- Hình nào vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng?

**Bài 5. (1,0 điểm)**

Nhân dịp khai trương, một cửa hàng sách khuyến mãi giảm giá 5% so với giá niêm yết cho tất cả các loại sách. Bạn Mai mua 3 quyển sách, mỗi quyển đều có giá 115 000 đồng. Hỏi bạn Mai phải trả bao nhiêu tiền ? (Làm tròn kết quả đến hàng trăm).

**Bài 6. (1,0 điểm)**

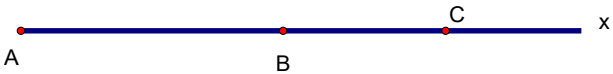
a) Em hãy viết kí hiệu, nêu tên đỉnh, cạnh của góc được cho ở hình vẽ bên và cho biết góc đó là góc nhọn, góc vuông hay góc tù ?



b) Trên tia  $Ax$  lấy hai điểm  $B$  và  $C$  sao cho  $AB = 4\text{cm}$  và  $AC = 6\text{cm}$ . Tính  $BC$ .

.....Hết.....

Bài 1 2,25đ	$a/ \frac{-9}{5} + \frac{4}{5}$ $= \frac{-9+4}{5}$ $= \frac{-5}{5} = -1$ $b/ \frac{-5}{8} - \frac{1}{3} + \frac{-7}{6}$ $= \frac{-15-8+(-28)}{24}$ $= \frac{-17}{8}$ $c/ \frac{2}{3} \cdot \frac{-1}{11} + \frac{2}{3} \cdot \frac{-10}{11} + 3\frac{1}{3}$ $= \frac{2}{3} \left( \frac{-1}{11} + \frac{-10}{11} \right) + \frac{10}{3}$ $= -\frac{2}{3} + \frac{10}{3} = \frac{8}{3}$	0,5 0,5 0,5 0,25 0,5
Bài 2 2,25đ	a) $x = -\frac{3}{2} + \frac{3}{5}$ $x = -\frac{9}{10}$ b) $\frac{-2}{5}x = \frac{7}{15} - \frac{2}{3}$ $\frac{-2}{3}x = \frac{-1}{5}$ $x = \frac{-1}{5} : \frac{-2}{5}$	1,0 0,5

	$x = \frac{-1}{5} \cdot \frac{-5}{2}$ $x = \frac{1}{2}$ <p>c) <math>\frac{x}{10} = \frac{-2}{5}</math></p> $x = \frac{-2 \cdot 10}{5}$ $x = -4$	0,25
Bài 3 2,5đ	<p>a) Số học sinh nữ là:</p> $48 \cdot \frac{5}{8} = 30 \text{ (HS)}$ <p>Số học sinh nam là:</p> $48 - 30 = 18 \text{ (HS)}$ <p>b) Tỷ lệ phần trăm:</p> $18:48 = 37,5\%$	0,75 0,75 1,0
Bài 4 1,0đ	<p>a) Hình có trục đối xứng là: hình 1, hình 2, hình 3</p> <p>b) Hình có tâm đối xứng là: hình 2, hình 3, hình 4</p> <p>c) Hình vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng là: hình 2, hình 3</p>	0,5 0,25 0,25
Bài 5 1,0đ	<p>Số tiền bạn Mai phải trả là :</p> $115\,000 \cdot 3 \cdot (100\% - 5\%) = 327\,750 \approx 327\,800 \text{ đồng}$	0,5 0,5
Bài 6 1,0đ	<p>a)</p> <p style="text-align: center;">Kí hiệu: xOy Đỉnh : O Cạnh: Ox , Oy Là góc nhọn</p> <p>b/ *Vẽ hình:</p>  <p>Vì B nằm giữa 2 điểm A và C Nên: <math>AB + BC = AC</math> <math>4 + BC = 6</math> <math>BC = 2\text{cm}</math></p>	0,5 0,5

.....Hết.....

**Lưu ý:**

***Học sinh có cách giải khác nếu đúng thì giáo viên theo thang điểm trên để chấm***

<b>UBND HUYỆN CỬ CHI</b> <b>TRƯỜNG THCS BÌNH HÒA</b>  <b>Ma trận đề</b>	<b>ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2</b> <b>Năm học 2023-2024</b> <b>Môn: Toán 6</b> <b>Thời gian làm bài: 90 phút</b> <i>(Không kể thời gian ghi đề)</i>
--	---

## I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	3,5
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

## II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được số đối của một phân số.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)	
			<b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai số thập phân cho trước.	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)	

			<p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân.</li> <li>Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</li> </ul>				
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.	<p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai phân số cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.</li> <li>Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.</li> <li>Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.</li> <li>Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.</li> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</li> </ul>		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng.</li> <li>Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</li> </ul>	Bài 4 (1đ)			
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.</li> <li>Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).</li> <li>Nhận biết được khái niệm số đo góc.</li> </ul>	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	

### III. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

UBND HUYỆN CỬ CHI  
TRƯỜNG THCS BÌNH HÒA

ĐỀ THAM KHẢO  
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II  
NĂM HỌC 2023 – 2024  
MÔN: TOÁN – LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút  
(Không kể thời gian phát đề)

**Bài 1:** thực hiện phép tính (1,5đ)

a/  $\frac{2}{3} - \frac{3}{4} + \frac{-7}{12}$

b/  $\frac{11}{10} : \left( \frac{-1}{2} - \frac{3}{5} \right)$

c/  $\frac{1}{4} + \frac{3}{4} \cdot \left( \frac{5}{6} - 1\frac{2}{3} \right)$

**Bài 2:** tìm x biết (1,5đ)

a/  $x + \frac{2}{5} = -\frac{11}{15}$

b/  $\frac{4}{5} + \frac{5}{7} : x = \frac{1}{6}$

c/  $\frac{3}{4}x - \frac{5}{12} = \frac{1}{2}$

**Bài 3:** (1,5đ)

a/ Lan có 72 cây bút gồm bút đỏ và bút xanh. Số bút đỏ chiếm  $\frac{2}{9}$  số bút Lan có. Tìm số bút mỗi loại ?

b/ Một sân vườn hình chữ nhật có chiều dài sân là 12 mét, chiều rộng bằng  $\frac{1}{2}$  chiều dài. Tính diện tích sân vườn hình chữ nhật đó.

**Bài 4:** (0,5đ) Tại một cửa hàng một chiếc máy tính Casio Fx 580 Vn Plus có giá bán niêm yết là 800000 đồng. Nhân dịp lễ cửa hàng giảm giá 20% giá bán. Tính giá của chiếc máy tính sau khi giảm?

**Bài 5:** (1đ) Xác định tính đúng, sai của các nhận định sau:

- 1) Chữ T là hình vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng.
- 2) Chữ H là hình có trục đối xứng và không có tâm đối xứng.
- 3) Chữ A là hình không có trục đối xứng và có tâm đối xứng.
- 4) Chữ N là hình không có trục đối xứng và không có tâm đối xứng.
- 5) Chữ G là hình có trục đối xứng và có tâm đối xứng.

**Bài 6:** (1,5đ) vẽ hình theo cách diễn đạt sau :

a/ Cho điểm P không nằm trên đường thẳng MN. Vẽ tia Px cắt đường thẳng MN tại điểm K sao cho điểm M nằm giữa K và N.

b/ Cho 3 điểm M, N, P không thẳng hàng. Vẽ đường thẳng MN, tia MP, đoạn thẳng NP.

**Bài 7:** (1đ) Trong hộp có 4 thẻ được đánh số 1, 2, 3, 4. Thảo nhắm mắt lấy ra 1 thẻ từ hộp, ghi số rồi trả lại hộp. Lặp lại hoạt động trên 20 lần, Thảo được bảng kết quả như sau:

2	3	2	1	4	4	3	1	3	2
4	1	1	3	2	4	3	2	1	4

a/ Lập bảng thống kê của các lần bốc thẻ?

b/ Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện: Thảo lấy được thẻ ghi số chẵn.



**Bài 8:** (0,5đ) Hình nào có trục đối xứng, có tâm đối xứng?



**Bài 9:** (1đ) Bạn Bình đọc một quyển sách trong 3 ngày. Ngày thứ nhất đọc  $\frac{2}{5}$  số trang của quyển sách, ngày thứ hai đọc  $\frac{1}{3}$  số trang của quyển sách, còn lại ngày thứ ba đọc 28 trang. Hỏi cuốn sách có bao nhiêu trang ?

----HẾT----

### ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
1	a/ $\frac{2}{3} + \frac{3}{4} + \frac{-7}{12} = \frac{8}{12} + \frac{9}{12} + \frac{-7}{12} = \frac{5}{6}$ b/ $\frac{11}{10} : \left(\frac{-1}{2} - \frac{3}{5}\right) = \frac{11}{10} : \left(\frac{-5}{10} - \frac{6}{10}\right) = \frac{11}{10} : \frac{-11}{10} = -1$ c/ $\frac{1}{4} + \frac{3}{4} \cdot \left(\frac{5}{6} - 1\frac{2}{3}\right) = \frac{1}{4} + \frac{3}{4} \cdot \left(-\frac{5}{6}\right) = \frac{1}{4} + \frac{-5}{8}$ $= \frac{2}{8} + \frac{-5}{8} = \frac{-3}{8}$	0,5đ  0,5đ  0,5đ
2	a/ $x + \frac{2}{5} = \frac{-11}{15}$ $x = \frac{-11}{15} - \frac{2}{5} = \frac{-17}{15}$ b/ $\frac{4}{5} + \frac{5}{7} : x = \frac{1}{6}$ $\frac{5}{7} : x = \frac{5}{30} - \frac{24}{30} = \frac{-19}{30}$ c/ $x = \frac{5}{7} : \frac{-19}{30} = \frac{-150}{133}$ $\frac{3}{4}x - \frac{5}{12} = \frac{1}{2}$ $\frac{1}{2}x = \frac{5}{12} + \frac{1}{2} = \frac{11}{12}$ $x = \frac{11}{12} : \frac{1}{2} = 11/6$	Đúng mỗi bài 0,5đ
3	a/ Số bút đỏ Lan có là : $72 \cdot 2/9 = 16$ (bút) Số bút xanh Lan có là: $72 - 16 = 56$ (bút) b/ Chiều rộng của hình chữ nhật là: $12 \cdot 1/2 = 6$ (m) Diện tích sân vườn là: $12 \cdot 6 = 72$ (m <sup>2</sup> )	0,5đ 0,25đ 0,5đ 0,25đ
4	Giá mới của máy tính Casio Fx 580 sau khi giảm giá là: $800000 \cdot (100\% - 20\%) = 640000$ (đồng) Vậy giá của máy tính là 640000 đồng	0,25đ 0,25đ
5	1, 2 trả lời đúng 3, 4, 5 trả lời đúng	0,5đ 0,5đ
6	a/ Vẽ đúng hình b/ Vẽ đúng hình	0,75đ 0,75đ
7	a/ Vẽ đúng bảng thống kê	0,5đ 0,5đ

	b/ Xác suất thực nghiệm của sự kiện: Thảo lấy được thẻ ghi số chẵn: $\frac{5+5}{20} = \frac{10}{20} = 0,5$	
8	a/ hình có trục đối xứng: a, c, d b/ hình có tâm đối xứng: a, d	0,25đ 0,25đ
9	Số phần của ngày thứ ba đọc là: $1 - \frac{2}{5} - \frac{1}{3} = \frac{5}{12}$ (số trang) Số trang sách của quyển sách là: $28 : \frac{4}{15} = 105$ (trang) Vậy quyển sách có 105 trang	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng g% điểm
			Nhậ n biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ )	Bài 1c (0,5đ )		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ )	Bài 2c (0,5đ )		2,25
	Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)		3,5
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1

<b>Tổng điểm</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>	<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>	<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được số đối của một phân số.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai số thập phân cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân.</li> <li>Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</li> </ul>	<p>Bài 1a (1đ)</p>	<p>Bài 1b (0,75 đ)</p>	<p>Bài 1c (0,5đ)</p>	
			<p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai phân số cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.</li> <li>Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.</li> <li>Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.</li> <li>Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.</li> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính</li> </ul>	<p>Bài 2a (1đ)</p>	<p>Bài 2b (0,75 đ)</p>	<p>Bài 2c (0,5đ)</p>	
		<p>Giá trị phân số của một số.</p> <p>Tỉ số và tỉ số phần trăm.</p>		<p>Bài 3a (1,5đ)</p>	<p>Bài 3b (1đ)</p>	<p>Bài 5 (1đ)</p>	

			<p>về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <p>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</p>				
2	<b>Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên</b>	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <p>– Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng.</p> <p>– Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</p>	Bài 4 (1đ)			
3	<b>Các hình hình học cơ bản</b>	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	<p><b>Nhận biết:</b></p> <p>– Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.</p> <p>– Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).</p> <p>– Nhận biết được khái niệm số đo góc.</p>	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	

**ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KỲ II TOÁN 6 NH: 2023 – 2024**  
**TRƯỜNG THCS HÒA PHÚ**

**Bài 1:** ( 2,25 điểm) Thực hiện các phép tính:

a./  $\frac{-4}{5} + \frac{2}{3} \cdot \frac{9}{8}$     b./  $\frac{-11}{13} \cdot \frac{4}{7} + \frac{-11}{13} \cdot \frac{3}{7} - \frac{2}{13}$     c./  $\frac{3}{4} \cdot \left( \frac{-3}{4} - \frac{-5}{2} \cdot \frac{4}{15} \right) + \frac{3}{5}$

**Bài 2:** ( 2,25 điểm)

a/ Tìm số đối của các số sau:  $-\frac{13}{17}$ ; 0,75;  $2\frac{3}{7}$ ;  $\frac{-5}{-12}$

b/ So sánh: i/ -13,347 và -13,3392    ii/  $\frac{5}{4}$  và  $\frac{7}{6}$

c/ Tìm x, biết:  $\frac{2}{3}x - 3 = \frac{-5}{6}$

**Bài 3:** (2,5 điểm)

a/ Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 60m, chiều rộng bằng  $\frac{2}{3}$  chiều dài.

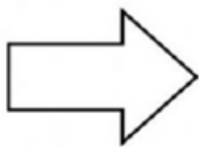
i) Tính diện tích mảnh đất

ii) Trên mảnh đất đó người ta trồng hai loại cây ăn quả là táo và xoài. Biết diện tích trồng xoài chiếm  $\frac{5}{8}$  diện tích mảnh đất. Hãy tính diện tích trồng cây mỗi loại

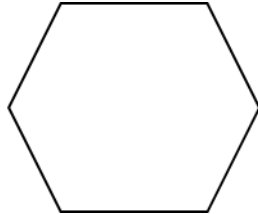
b/ Tính tỉ số diện tích trồng cây táo và trồng cây xoài ở trên, cho biết diện tích trồng xoài chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích mảnh đất

**Bài 4:**(1 điểm)

a/ Trong các hình dưới đây. Hình nào có tâm đối xứng, hình nào có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình 5



Hình 6

**Bài 5:** (1,0 điểm) Bác Năm đi siêu thị mua một cái Tivi có giá là 16 triệu đồng nhưng được khuyến mãi giảm giá 15%. Hỏi Bác Năm trả bao nhiêu tiền khi mua cái Tivi đó?

**Bài 6:**(2,0 điểm)

Trên tia Ox vẽ hai điểm A, B sao cho OA = 3cm, OB = 6cm.

a/ Tính độ dài đoạn thẳng AB

b/ Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OA không? Vì sao?

**Hết**

## Đáp án

**Bài 1:** ( 2,25 điểm) Thực hiện các phép tính:

$$a) \frac{-4}{5} + \frac{2}{3} \cdot \frac{9}{8}$$

$$= \frac{-4}{5} + \frac{3}{4} \quad (0,5)$$

$$= \frac{-1}{20} \quad (0,5)$$

$$b) \frac{-11}{13} \cdot \frac{4}{7} + \frac{-11}{13} \cdot \frac{3}{7} - \frac{2}{13}$$

$$= \frac{-11}{13} \left( \frac{4}{7} + \frac{3}{7} \right) - \frac{2}{13} \quad (0,25)$$

$$= \frac{-11}{13} \cdot 1 - \frac{2}{13} \quad (0,25)$$

$$= \frac{-11}{13} - \frac{2}{13}$$

$$= -1 \quad (0,25)$$

$$c) \frac{3}{4} \left( \frac{-3}{4} - \frac{-5}{2} \cdot \frac{4}{15} \right) + \frac{3}{5}$$

$$= \frac{3}{4} \left( \frac{-3}{4} - \frac{-2}{3} \right) + \frac{3}{5}$$

$$= \frac{3}{4} \cdot \frac{-1}{12} + \frac{3}{5} \quad (0,25)$$

$$= \frac{-1}{16} + \frac{3}{5}$$

$$= \frac{43}{80} \quad (0,25)$$

**Bài 2:** ( 2,255 điểm)

a/ Số đối của số  $-\frac{13}{17}$  là số  $\frac{13}{17}$  (0,25)

Số đối của số 0,75 là số -0,75 (0,25)

Số đối của số  $2\frac{3}{7}$  là số  $-2\frac{3}{7}$  (0,25)

Số đối của số  $\frac{-5}{-12}$  là số  $\frac{-5}{12}$  (0,25)

b/ So sánh:

i/ Ta có:  $-13,347 < -13,3392$  (0,25)

ii/  $\frac{5}{4}$  và  $\frac{7}{6}$

Qui đồng:  $\frac{5}{4} = \frac{15}{12}$  ;  $\frac{7}{6} = \frac{14}{12}$  (0,25)

Vì  $\frac{15}{12} > \frac{14}{12}$  nên  $\frac{5}{4} > \frac{7}{6}$  (0,25)



$$c) \frac{2}{3}x - 3 = \frac{-5}{6}$$

$$\frac{2}{3}x = \frac{-5}{6} + 3$$

$$\frac{2}{3}x = \frac{13}{6} \quad (0,25)$$

$$x = \frac{13}{6} : \frac{2}{3}$$

$$x = \frac{13}{4} \quad (0,25)$$

**Bài 3:** (2,5 điểm)

a/

i) Chiều rộng mảnh đất là

$$60 \cdot \frac{2}{3} = 40 \text{ (m)} \quad (0,5)$$

Diện tích mảnh đất là

$$60 \cdot 40 = 2400 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,25)$$

ii) Diện tích trồng xoài là

$$2400 \cdot \frac{5}{8} = 1500 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,5)$$

Diện tích trồng táo là

$$2400 - 1500 = 900 \quad (0,25)$$

b/ Tỷ số diện tích trồng táo và trồng xoài là

$$\frac{900}{1500} = \frac{3}{5} \quad (0,5)$$

Tỷ số phần trăm diện tích trồng xoài là

$$\frac{1500 \cdot 100}{2400} \% = 62,5\% \quad (0,5)$$

**Bài 4:** (1,0 điểm)

Hình có tâm đối xứng là: hình 2, hình 3, hình 6 (0,5)

Hình có trục đối xứng là: hình 1, hình 2, hình 5 (0,5)

**Bài 5:** (1,0 điểm)

Giải

Số tiền Bác Năm trả là

$$16 \cdot (100\% - 15\%) = 13,6 \text{ (triệu đồng)}$$

**Bài 6:** (1,0 điểm)



6cm

a/ Tính độ dài đoạn thẳng AB

Ta có:  $OA + AB = OB$

$$AB = OB - OA$$

$$AB = 6 - 3$$

$$AB = 3\text{cm} \quad (0,5)$$

b/ Điểm A là trung điểm của đoạn thẳng OB. Vì  $OA = AB = 3\text{cm}$

(0,5)

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	3,5
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được số đối của một phân số.</p> <p><b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai số thập phân cho trước.</p> <p><b>Vận dụng:</b> – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý).</p>	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)	
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.	<p><b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai phân số cho trước.</p> <p><b>Vận dụng:</b> – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</p> <p><b>Vận dụng cao:</b> – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</p>	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</p>	Bài 4 (1đ)			
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).</p>	Bài 6 (1đ)			

	đặc biệt. Số đo góc	– Nhận biết được khái niệm số đo góc.				
<b>Tổng số câu</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>	

**Bài 1: ( 2,25 điểm)** Thực hiện các phép tính:

a./  $\frac{-1}{5} \cdot \frac{3}{7} + \frac{-}{5} \cdot \frac{4}{7}$

b./  $\frac{3}{7} \cdot \frac{7}{9} - \frac{7}{3}$

c./  $\left(\frac{1}{3} - \frac{3}{5}\right) + \left(\frac{3}{5} - \frac{2}{3}\right)$

**Bài 2: ( 2,25 điểm)** Thực hiện các phép tính:

a./  $\left(\frac{10}{7} \cdot \frac{-4}{-5}\right) + \left(\frac{10}{7} \cdot \frac{3}{-5}\right)$

b./  $2\frac{3}{7} \cdot \frac{4}{9} - 1\frac{3}{7} \cdot \frac{4}{9}$

c./  $\frac{3}{1 \cdot 2} + \frac{3}{2 \cdot 3} + \frac{3}{3 \cdot 4} + \frac{3}{4 \cdot 5} + \dots\dots\dots \frac{3}{29 \cdot 30}$

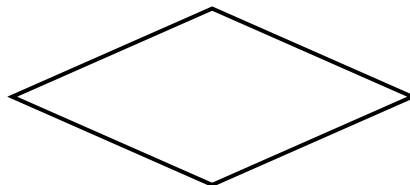
**Bài 3: ( 2,5 điểm)**

a) Lớp 6A có 36 học sinh, trong đó số học sinh nam bằng  $\frac{1}{3}$  số học sinh cả lớp. Tính số học sinh nữ ?

b) Tìm một số biết  $-\frac{7}{3}$  của số đó là  $\frac{7}{9}$

**Bài 4: ( 1 điểm)**

Tìm tâm đối xứng của các hình sau:



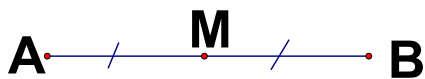
**Bài 5: ( 1 điểm)**

Anh Minh lái xe ô tô của mình cùng bốn người bạn đi du lịch từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Mũi Né (Phan Thiết). Tiền xe cho chuyến đi căn cứ vào lượng xăng tiêu thụ và được chia đều cho bốn người bạn (không tính phần của anh Minh vì anh là chủ xe). Lúc khởi hành, công tơ mét của xe chỉ

125454,7 km. Sau chuyến đi về đến nhà, công tơ mét chỉ 125920,5 km. Biết rằng mức tiêu thụ nhiên liệu của xe là 8,5km/ lít xăng và mỗi lít xăng có giá 22700 đồng. Tính xem mỗi người bạn của anh Minh phải trả bao nhiêu tiền xe.

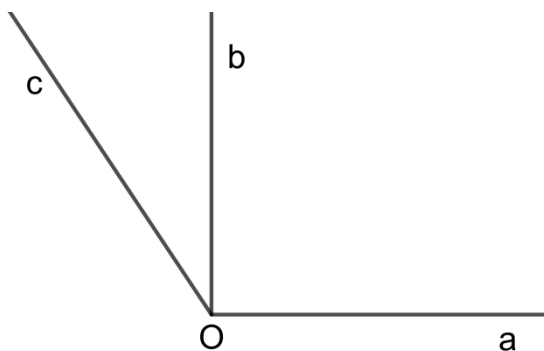
**Bài 6: ( 1 điểm)**

a) Cho hình vẽ



Hỏi điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?

b) Cho hình vẽ



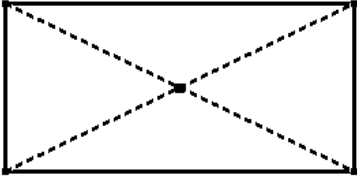
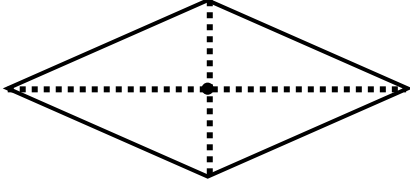
Hãy cho biết có tất cả bao nhiêu góc? Hãy kể tên và viết kí hiệu các góc đó. Trong các góc trên góc nào là góc vuông?

.....Hết.....

Bài	Đáp án	Điểm
<b>Bài 1:</b> <b>(2,25 điểm)</b>	Thực hiện các phép tính:	
	a./ $\frac{-1}{5} \cdot \frac{3}{7} + \frac{-}{5} \cdot \frac{4}{7}$  $= \frac{-1}{5} \cdot \left(\frac{3}{7} + \frac{4}{7}\right)$  $= \frac{-1}{5} \cdot \frac{3+4}{7}$  $= \frac{-1}{5} \cdot \frac{7}{7}$  $= \frac{-1}{5} \cdot 1 = \frac{-1}{5}$	0,25 đ           0,25 đ           0,25 đ           0,25 đ
	b./ $\frac{3}{7} \cdot \frac{7}{9} - \frac{7}{3}$  $= \frac{7 \cdot 3}{7 \cdot 9} - \frac{7}{3}$  $= \frac{1}{3} - \frac{7}{3}$  $= \frac{1-7}{3} = \frac{-6}{3} = -2$	0,25 đ           0,25 đ           0,25 đ
c./ $\left(\frac{1}{3} - \frac{3}{5}\right) + \left(\frac{3}{5} - \frac{2}{3}\right)$  $= \frac{1}{3} - \frac{3}{5} + \frac{3}{5} - \frac{2}{3}$  $= \frac{1}{3} - \frac{2}{3} = \frac{1-2}{3} = \frac{-1}{3}$	0,25 đ           0,25 đ	



<p><b><u>Bài 2:</u></b> <b>(2,25 điểm)</b></p>	<p>Thực hiện các phép tính:</p> <p>a./ <math>\left(\frac{10}{7} \cdot \frac{-4}{-5}\right) + \left(\frac{10}{7} \cdot \frac{3}{-5}\right)</math></p> $= \frac{10}{7} \cdot \left(\frac{4}{5} + \frac{-3}{5}\right)$ $= \frac{10}{7} \cdot \frac{4-3}{5}$ $= \frac{10}{7} \cdot \frac{1}{5}$ $= \frac{2}{7}$	<p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p>
	<p>b./ <math>2\frac{3}{7} \cdot \frac{4}{9} - 1\frac{3}{7} \cdot \frac{4}{9}</math></p> $= \frac{4}{9} \cdot \left(2\frac{3}{7} - 1\frac{3}{7}\right)$ $= \frac{4}{9} \cdot \left(\frac{17}{7} - \frac{10}{7}\right)$ $= \frac{4}{9} \cdot \frac{17-10}{7} = \frac{4}{9} \cdot \frac{7}{7} = \frac{4}{9}$	<p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p>
	<p>c./ <math>\frac{3}{1 \cdot 2} + \frac{3}{2 \cdot 3} + \frac{3}{3 \cdot 4} + \frac{3}{4 \cdot 5} + \dots + \frac{3}{29 \cdot 30}</math></p> $= 3 \cdot \left(\frac{1}{1} - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{29} - \frac{1}{30}\right)$ $= 3 \cdot \left(\frac{1}{1} - \frac{1}{30}\right) = 3 \cdot \left(\frac{30}{30} - \frac{1}{30}\right) = 3 \cdot \frac{29}{30} = \frac{29}{10}$	<p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p>
<p><b><u>Bài 3:</u></b> <b>(2,5 điểm)</b></p>	<p>a) Lớp 6A có 36 học sinh, trong đó số học sinh nam bằng <math>\frac{1}{3}</math> số học sinh cả lớp. Tính số học sinh nữ ?</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Số học sinh nam của lớp 6A là  <math>36 \cdot \frac{1}{3} = 12</math> ( học sinh)</p> <p>Số học sinh nữ của lớp 6A là  <math>36 - 12 = 24</math> ( học sinh )</p>	<p>0,75 đ</p> <p>0,75 đ</p>
	<p>b./ Tìm một số biết <math>-\frac{7}{3}</math> của số đó là <math>\frac{7}{9}</math></p>	

Giải		
	$\frac{7}{9} : \left(-\frac{7}{3}\right)$ $= -\frac{7}{9} \cdot \frac{3}{7}$ $= -\frac{7 \cdot 3}{7 \cdot 9}$ $= -\frac{3}{9}$ $= -\frac{1}{3}$	<p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p>
<b>Bài 4:</b> <b>(1 điểm)</b>	<p>Tìm tâm đối xứng của các hình sau:</p>  	<p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p>
<b>Bài 5:</b> <b>(1 điểm)</b>	<p>Số km xe đã đi trong cả chuyến đi là:  <math>12\ 5920,5 - 12\ 5454,7 = 465,8</math> (km)  Số lít xăng cần cho số km đã đi là:  <math>465,8 : 8,5 = 54,8</math> (lít)  Số tiền xe của cả xe là <math>54,8 \cdot 22\ 700 = 1\ 243\ 960</math> (đồng)  Số tiền mỗi người phải trả là:  <math>1\ 243\ 960 : 4 = 310\ 990</math> (đồng)</p>	<p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p>
<b>Bài 6:</b> <b>(1 điểm)</b>	<p>a) Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB vì điểm M nằm giữa 2 điểm A và B, <math>MA = MB</math></p> <p>b) Có tất cả 3 góc. Đó là: góc aOb; góc aOc; góc bOc.  Ký hiệu: <math>\widehat{aOb}</math>; <math>\widehat{aOc}</math>; <math>\widehat{bOc}</math>  Trong các góc trên <math>\widehat{aOb}</math> là góc vuông.</p>	<p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p>

Lưu ý: HS có thể làm cách khác mà đúng vẫn cho trọn số điểm.

....HẾT.....

**MA TRẬN ĐỀ THAM KHẢO CUỐI KÌ II – TOÁN 6 ( 2023 – 2024)**

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	PHÂN SỐ	Các phép tính phân số, hỗn số				2 (Bài 1: 1a; Bài 2a) 1,5đ		3 (Bài 1: 1b,c. Bài 2b) 2,25đ			3,75đ
		Giá trị phân số của một số						1 (Bài 3a) 0,75đ			
2	SỐ THẬP PHÂN	Phép tính về số thập phân, làm tròn số						1 (Bài 1: 2) 0,75đ			1,5đ
		Tỉ số phần trăm							1 (Bài 3b) 0,75đ		
3	MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT	Xác suất thực nghiệm		2 (Bài 4a,b) 1,0đ							1,0đ
4	HÌNH HỌC	Hình có trục đối xứng		1 (Bài 5) 1,0đ							

		Trung điểm đoạn thẳng					1 (Bài 6a) 1,0đ			3,0đ
		Góc	1 (Bài 6b) 1,0đ							
<b>Tổng:</b>	<b>Số câu</b>		4		2		6		1	13
	<b>Điểm</b>		3,0		1,5đ		4,75đ		0,75đ	10 đ
<b>Tỉ lệ %</b>		<b>30%</b>		<b>15%</b>		<b>47,5%</b>		<b>7,5%</b>		<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>45%</b>			<b>55%</b>				<b>100%</b>

**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ THAM KHẢO CUỐI KÌ II- TOÁN 6**

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	VD cao
1	<b>PHÂN SỐ</b>	Các phép tính phân số, hỗn số	<b>Thông hiểu:</b> - Cộng , trừ phân số - Tìm x cơ bản <b>Vận dụng:</b> - Phối hợp các quy tắc, tính chất, thứ tự trong tính toán và tìm x		2 (Bài 1:1a; Bài 2a)	3 (Bài 1: 1b,c. Bài 2b)	
		Giá trị phân số của một số	<b>Vận dụng:</b> - Vận dụng quy tắc tìm giá trị phân số của một số vào giải bài toán thực tiễn.			1 (Bài 3a)	
2	<b>SỐ THẬP PHÂN</b>	Phép tính về số thập phân, làm tròn số	<b>Vận dụng:</b> - Vận dụng quy tắc làm tròn số thập phân rồi thực hiện phép tính			1 (Bài 1: 2)	
		Tỉ số phần trăm	<b>Vận dụng cao:</b> - Vận dụng tỉ số %nghịch để giải quyết nhiều vấn đề trong bài toán thực tiễn.				1 (Bài 3b)
3	<b>MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT</b>	Xác suất thực nghiệm	<b>Nhận biết:</b> - Nhận biết được khả năng xảy ra của một sự kiện bằng xác suất thực nghiệm. - Tính được xác suất thực nghiệm của một sự kiện	2 (Bài 4a,b)			
4	<b>HÌNH HỌC</b>	Hình có trục đối xứng	<b>Nhận biết:</b> - Nhận biết được hình có trục đối xứng	1 (Bài 5)			

	Trung điểm đoạn thẳng	<b>Vận dụng:</b> - Vận dụng tính chất của trung điểm đoạn thẳng trong tính độ dài		1 (Bài 6a)		
	Góc	Nhận biết: - Nhận diện được góc, góc vuông, góc nhọn, góc tù		1 (Bài 6b)		

**TỔNG CỘNG: 13câu.**

**Bài 1(3,0đ):**

1) Thực hiện phép tính

a)  $\frac{1}{3} + \frac{4}{3} - \frac{8}{3}$

b)  $\frac{3}{2} \cdot \frac{2}{7} + \frac{3}{2} \cdot \frac{1}{14}$

c)  $\frac{-3}{4} : (1\frac{1}{5} + \frac{3}{10})$

2) Làm tròn đến hàng đơn vị, rồi thực hiện phép tính:

$(12,34) \cdot (2,56) - (-3,45)^2$

**Bài 2(1,5đ):** Tìm x biết :

a)  $\frac{1}{3} + x = \frac{4}{3}$

b)  $3\frac{1}{4} - 2x = \frac{3}{2} : \frac{6}{5}$

**Bài 3 (1,5đ) :** Bác nông dân thu hoạch được 30 kg cà chua và mang cà chua ra chợ bán. Bác bán đến trưa thì được  $\frac{2}{5}$  số cà chua đã thu hoạch.

a) Hỏi bác nông dân còn lại bao nhiêu kilogam cà chua?

b) Đến chiều, bác nông dân đã bán thêm được 50% số cà chua còn lại. Hỏi bác thu được tổng cộng bao nhiêu tiền, biết rằng giá bán mỗi kg cà chua là 20 000 đồng.

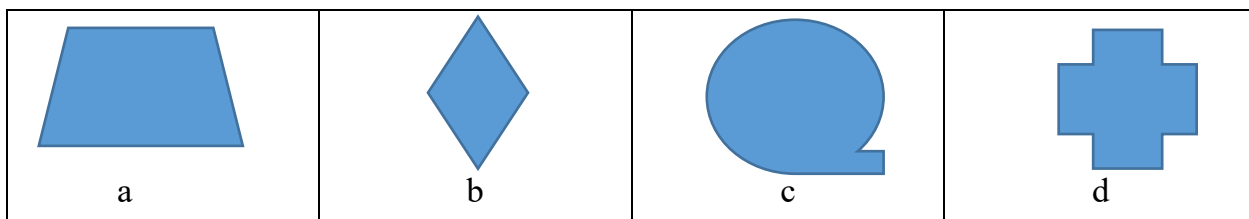
**Bài 4 (1,0đ):** Trong hộp có một số viên bi màu xanh, đỏ có kích thước giống nhau. Lấy ngẫu nhiên một viên bi từ hộp, xem màu rồi trả lại vào hộp . Lặp lại hoạt động đó 20 lần ta được kết quả như sau:

Loại bi	Bi xanh	Bi đỏ
Số lần	8	12

a) Tính xác suất thực hiện của sự kiện “lấy được viên bi xanh”.

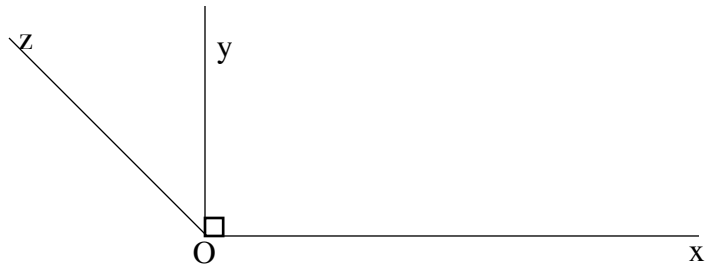
b) Em hãy dự đoán xem trong hộp loại bi nào có nhiều hơn

**Bài 5(1,0đ):** Mỗi hình sau đây có bao nhiêu trục đối xứng ?



**Bài 6(2,0đ):**

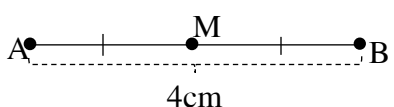
- 1) Vẽ điểm M là trung điểm của đoạn thẳng  $AB = 4\text{cm}$ . Tính độ dài đoạn thẳng AM và BM
- 2) Hình dưới đây có bao nhiêu góc? Kể tên góc vuông, góc nhọn, góc tù có trong hình.



.....**HẾT**.....



HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM		
Bài	Đáp án	Thang điểm
<b>1(3đ)</b>	1.a) $\frac{1}{3} + \frac{4}{3} - \frac{8}{3}$ $= \frac{1+4-8}{3}$ $= -1$	0,25 0,5
	1.b) $\frac{3}{2} \cdot \frac{3}{7} + \frac{3}{2} \cdot \frac{1}{14}$ $= \frac{3}{2} \cdot (\frac{3}{7} + \frac{1}{14})$ $= \frac{3}{2} \cdot (\frac{6}{14} + \frac{1}{14})$ $= \frac{3}{2} \cdot 2 = 3$	0,25 0,25 0,25
	1.c) $\frac{-3}{4} : (1\frac{1}{5} + \frac{3}{10})$ $= \frac{-3}{4} : (\frac{12}{10} + \frac{3}{10})$ $= \frac{-3}{4} : \frac{3}{2}$ $= \frac{-1}{2}$	0,25 0,25 0,25
	2) $(12,34) \cdot (2,56) - (-3,45)^2$ $\approx 12,3 - (-3)^2$ $= 36 - 9$ $= 27$	0,25 0,25 0,25
<b>2(1,5đ)</b>	a) $\frac{1}{3} + x = \frac{4}{3}$ $x = \frac{4}{3} - \frac{1}{3}$ $x = 1$	0,25 0,25
	b) $3\frac{1}{4} - 2x = \frac{3}{2} : \frac{6}{5}$ $\frac{13}{4} - 2x = \frac{5}{4}$ $2x = \frac{13}{4} - \frac{5}{4}$ $2x = 2$ $x = 1$	0,25 0,25 0,25 0,25
<b>3(1,5đ)</b>	a) Số cà chua đã bán là: $30 \cdot \frac{2}{5} = 12(\text{kg})$ Số cà chua còn lại là: $30 - 12 = 18(\text{kg})$	0,5 0,25

	b) Số cà chua bán thêm trong buổi chiều: $18.50\% = 9(\text{kg})$ Số tiền bác nông dân thu được: $(12 + 9). 20\ 000 = 420\ 000$ (đồng)	0,5 0,25
<b>4(1đ)</b>	a) Xác suất thực nghiệm của sự kiện “lấy được viên bi xanh” trong 20 lần lấy là $\frac{8}{20} = 0,4$ b) Do số lần lấy được viên bi đỏ nhiều hơn so với số lần lấy được viên bi xanh nên có thể dự đoán là trong hộp đó số viên bi đỏ nhiều hơn số viên bi xanh .	0,5 0,5
<b>5(1đ)</b>	Hình a: 1 Hình b: 2 Hình c: 0 Hình d: 4	0,25 0,25 0,25 0,25
<b>6(2đ)</b>	 <p>a) Ta có điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB nên: <math>AM = BM = AB : 2 = 4 : 2 = 2\text{cm}</math></p>	0,25 0,75
	b) Có 3 góc Góc vuông: $x\hat{O}y$ Góc nhọn: $y\hat{O}z$ Góc tù: $x\hat{O}z$	0,25 0,25 0,25 0,25



**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100 %</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100 %</b>

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được số đối của một phân số.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai số thập phân cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân.</li> <li>Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</li> </ul>	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)	
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.	<p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai phân số cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.</li> <li>Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.</li> <li>Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.</li> <li>Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.</li> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</li> </ul>	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng.</li> <li>Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</li> </ul>	Bài 4 (1đ)			

3	<b>Các hình hình học cơ bản</b>	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	<b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt). – Nhận biết được khái niệm số đo góc.	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				4	3	2	1
<b>Tỉ lệ %</b>				40%	30%	20%	10%
<b>Tỉ lệ chung</b>				70%		30%	

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ  
PHÚ MỸ HƯNG

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  
Môn: TOÁN - LỚP 6  
NĂM HỌC 2023-2024  
Thời gian làm bài: 90 phút

**ĐỀ THAM KHẢO:**

**Bài 1:** (2,25 điểm) Thực hiện phép tính

$$a/ \frac{2}{3} \cdot \left( \frac{3}{5} + \frac{3}{7} \right)$$

$$b/ \frac{-2}{3} \cdot \frac{1}{8} + \frac{-2}{3} \cdot \frac{7}{8}$$

$$c/ 50\% + 0,2 - 1\frac{1}{2}$$

**Bài 2:** (2,25 điểm) Tìm x

$$a/ x + \frac{2}{7} = \frac{4}{3}$$

$$b/ 2x - \frac{2}{5} = \frac{-1}{3}$$

$$c/ 4 - \left( \frac{1}{2}x + \frac{3}{4} \right) = -1,5$$

**Bài 3:** (2,5 điểm) Lớp 6A có 45 học sinh, trong đó học sinh xếp loại tốt chiếm  $\frac{1}{5}$  số học sinh cả lớp, học sinh xếp loại khá bằng  $\frac{4}{3}$  số học sinh tốt, còn lại là học sinh xếp loại đạt.

a/ Hỏi có bao nhiêu học sinh xếp loại đạt ?

b/ Số học sinh xếp loại giỏi chiếm bao nhiêu phần trăm so với số học sinh cả lớp ?

**Bài 4:** (1 điểm)

a/ Hình nào sau đây không có trục đối xứng ?



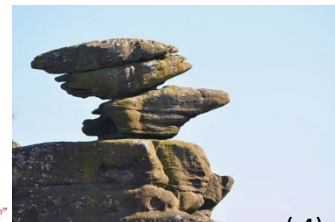
(1)



(2)



(3)



(4)

Hình (1)

B. Hình (2)

C. Hình (3)

D. Hình (4)

b/ Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng ?

A. Hình bình hành

B. Hình thang cân

C. Tam giác đều

D. Tam giác cân

**Bài 5:** (1 điểm) Nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 nhà sách Củ Chi có chương trình giảm giá 10% cho tất cả các loại sách, vở và dụng cụ học tập của học sinh. Bạn Lan đến nhà sách Củ Chi mua 5 quyển vở với giá niêm yết là 12000 đồng mỗi quyển và 4 cây bút bi với giá niêm yết là 5000 đồng mỗi cây.

a/ Hỏi bạn Lan phải trả bao nhiêu tiền ?

b/ Bạn Lan mua thêm một cây compa nữa nên trả tổng cộng là 92000 đồng. Hỏi giá cũ của cây compa là bao nhiêu ?

**Bài 6:** (1 điểm)

a/ Vẽ Đoạn thẳng  $AB = 6\text{cm}$ . Vẽ trung điểm  $M$  của  $AB$ . Tính độ dài đoạn thẳng  $AM$ .

b/ Vẽ góc  $xOy$  có số đo bằng  $60^\circ$

Hãy cho biết góc  $xOy$  là góc vuông, góc nhọn hay góc tù ? Vì sao ?

-----HẾT-----



**Hướng dẫn chấm**  
**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2**  
**Môn: TOÁN - LỚP 6**  
**NĂM HỌC 2023-2024**

<p>Bài 1: (2,25 điểm)</p>	<p>a/ <math>\frac{2}{3} \cdot \left(\frac{3}{5} + \frac{3}{7}\right)</math>  <math>= \frac{2}{3} \cdot \frac{36}{35} = \frac{24}{35}</math></p> <p>b/ <math>\frac{-2}{3} \cdot \frac{1}{8} + \frac{-2}{3} \cdot \frac{7}{8}</math>  <math>= \frac{-2}{3} \cdot \left(\frac{1}{8} + \frac{7}{8}\right) = \frac{-2}{3} \cdot 1 = \frac{-2}{3}</math></p> <p>c/ <math>50\% + 0,2 - 1\frac{1}{2}</math>  <math>= \frac{1}{2} + \frac{1}{5} - \frac{3}{2} = \frac{-4}{5}</math></p>	<p>0,5đ + 0,5đ</p> <p>0,25đ x3</p> <p>0,25đ + 0,25đ</p>
<p>Bài 2: (2,25 điểm)</p>	<p>a/ <math>x + \frac{2}{7} = \frac{4}{3}</math>  <math>\Rightarrow x = \frac{4}{3} - \frac{2}{7} = \frac{22}{21}</math></p> <p>b/ <math>2x - \frac{2}{5} = \frac{-1}{3}</math>  <math>\Rightarrow 2x = \frac{-1}{3} + \frac{2}{5} = \frac{1}{15}</math>  <math>\Rightarrow x = \frac{1}{15} : 2 = \frac{1}{30}</math></p> <p>c/ <math>4 - \left(\frac{1}{2}x + \frac{3}{4}\right) = -1,5</math>  <math>\Rightarrow \left(\frac{1}{2}x + \frac{3}{4}\right) = 4 - (-1,5)</math>  <math>\Rightarrow \left(\frac{1}{2}x + \frac{3}{4}\right) = 5</math>  <math>\Rightarrow \frac{1}{2}x = 5 - \frac{1}{4}</math></p>	<p>0,5đ x2</p> <p>0,5đ</p> <p>0,25đ</p>

	$\Rightarrow \frac{1}{2}x = \frac{19}{4}$ $\Rightarrow x = \frac{19}{4} : \frac{1}{2} = \frac{19}{2}$	0,5đ
Bài 3: (2,5 điểm)	a/ Số học sinh xếp loại tốt : $\frac{1}{5} \cdot 45 = 9$ (hs) Số học sinh xếp loại khá : $\frac{4}{3} \cdot 9 = 12$ (hs) Số học sinh xếp loại đạt : $45 - (9+12) = 24$ (hs) b/ Số học sinh giỏi chiếm số phần trăm là: $(9:45) \cdot 100\% = 20\%$	0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 1 đ
Bài 4: (1 điểm)	a/ Hình không có trục đối xứng là hình 4  b/ Hình có tâm đối xứng là hình bình hành	0,5đ 0,5đ
Bài 5: (1 điểm)	a/ Số tiền bạn Lan phải trả sau khi giảm giá là: $(5 \cdot 12000 + 4 \cdot 5000) \cdot 10\% = 72000$ (đồng) b/ Giá cũ của cây compa là: $(92000 - 72000) : 10\% = 25000$ (đồng)	0,5đ 0,5đ
Bài 6: (1 điểm)	a/ Vẽ đúng đoạn thẳng $Ab = 6\text{cm}$ . Xác định đúng trung điểm M. Vì M là trung điểm của AB, nên $AM = 6:2 = 3\text{cm}$ b/ Vẽ đúng góc $xOy$ có số đo bằng $60^0$ Góc $xOy$ là góc nhọn ( vì có số đo nhỏ hơn $90^0$ )	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ

**ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA HKII (2022 – 2023)**  
**MÔN TOÁN LỚP 6**  
Thời gian : 90 phút

**Bài 1.** (2,25 điểm) Thực hiện phép tính:

a)  $\frac{8}{13} - \frac{3}{13} + \frac{5}{13}$

b)  $\frac{1}{2} + 0,2 - 1\frac{1}{2}$

c)  $\frac{-3}{5} \cdot \frac{8}{11} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{11} + \frac{13}{5}$

**Bài 2.** (2,25 điểm) Tìm x

a/  $x + 1,2 = 5,3$

b/  $x - \frac{3}{4} = \frac{5}{8}$

c/  $3\frac{1}{4} - 2x = \frac{3}{2} : \frac{6}{5}$

**Bài 3.** (2,5 điểm) Nhân dịp khai giảng năm học mới cửa hàng giảm giá 20% cho sản phẩm cặp học sinh và giảm giá 15% cho sản phẩm tập ABC. Bình đến cửa hàng mua một cái cặp có giá niêm yết là 450 000 đồng và 10 quyển tập ABC có giá niêm yết là 8 000 đồng/1 quyển.

a/ Em hãy tính giúp Bình tổng số tiền mua 1 cái cặp và 10 quyển tập ABC ở cửa hàng?

b/ Tuy nhiên khi tính tiền, hóa đơn thanh toán tiền tính thêm 10% thuế giá trị gia tăng (VAT). Hỏi Bình phải trả cho cửa hàng bao nhiêu tiền?

**Bài 4.** (1 điểm) Trong các hình sau: Hình vuông, hình tam giác đều, hình bình hành, hình lục giác đều.

a/ Hình nào có trục đối xứng mà không có tâm đối xứng.

b/ Hình nào có tâm đối xứng mà không có trục đối xứng.

**Bài 5.** (1 điểm) Một người mang rổ cam đi bán. Nếu người đó đã bán đi  $\frac{3}{7}$  số cam và 6 quả nữa thì còn lại 30 quả. Hỏi số cam người đó đem đi bán là bao nhiêu quả?

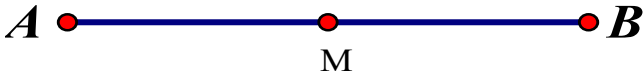
**Bài 6.** (1 điểm) Trên đoạn thẳng AB dài 6cm lấy điểm M sao cho AM = 3cm.

a/ Tính độ dài đoạn thẳng MB?

b/ Điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?

**ĐÁP ÁN:**

<b>Bài</b>	<b>Đáp án</b>	<b>Thang điểm</b>
<b>Bài 1:</b> (2,25 điểm)	Thực hiện phép tính:  a/ $\frac{8}{13} - \frac{3}{13} + \frac{5}{13}$ $= \frac{8-3+5}{13}$ $= \frac{10}{13}$  b/ $\frac{1}{2} + 0,2 - 1\frac{1}{2}$ $= \frac{1}{2} + \frac{1}{5} - \frac{3}{2}$ $= \frac{5+2-15}{10}$ $= \frac{-8}{10} = \frac{-4}{5}$  c/ $\frac{-3}{5} \cdot \frac{8}{11} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{11} + \frac{13}{5}$ $= \frac{-3}{5} \cdot \left( \frac{8}{11} + \frac{3}{11} \right) + \frac{13}{5}$ $= \frac{-3}{5} \cdot 1 + \frac{13}{5}$ $= \frac{-3}{5} + \frac{13}{5} = \frac{10}{5} = 2$	0,5 đ  0,5 đ  0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ
<b>Bài 2:</b> (2,25 điểm)	a/ $x + 1,2 = 5,3$ $x = 5,3 - 1,2$ $x = 4,1$  b/ $x - \frac{3}{4} = \frac{5}{8}$ $x = \frac{5}{8} + \frac{3}{4}$ $x = \frac{5+6}{8}$ $x = \frac{11}{8}$  c/ $3\frac{1}{4} - 2x = \frac{3}{2} : \frac{6}{5}$	0,5 đ 0,5 đ  0,25 đ 0,25 đ 0,5 đ

	$\frac{13}{4} - 2x = \frac{5}{4}$ $2x = \frac{13}{4} - \frac{5}{4}$ $2x = 2$ $x = 1$	0,25 đ
		0,25 đ
<b>Bài 3:</b> <b>(2,5 điểm)</b>	<p><b>Giải</b></p> <p>a/</p> <p>Giá của cái cặp sau khi giảm 20% là:  <math>450\,000 \cdot (100\% - 20\%) = 360\,000</math> (đồng)</p> <p>Giá 1 quyển tập sau khi giảm 15% là”  <math>8\,000(100\% - 15\%) = 6\,800</math> (đồng)</p> <p>Số tiền Bình mua 1 cái cặp và 10 quyển tập ABC là:  <math>360\,000 + 6\,800 \cdot 10 = 428\,000</math> (đồng)</p> <p>b/ Tổng số tiền Bình phải trả sau khi tính thuế VAT 10% là:  <math>428\,000 \cdot (100\% + 10\%) = 470\,800</math> (đồng)</p> <p>Vậy Cường phải trả 470 800 đồng.</p>	0,5 đ
		0,5 đ
<b>Bài 4.</b> <b>(1 điểm)</b>	a/ Hình có trục đối xứng mà không có tâm đối xứng là tam giác đều.	0,5 đ
	b/ Hình có tâm đối xứng mà không có trục đối xứng là hình bình hành.	0,5 đ
<b>Bài 5.</b> <b>(1 điểm)</b>	<p><b>Giải</b></p> <p>Vì người đó đã bán <math>\frac{3}{7}</math> số cam và 6 quả nữa thì còn lại 30 quả.</p> <p>Nên số cam còn lại 30 quả và 6 quả chiếm: <math>1 - \frac{3}{7} = \frac{4}{7}</math> (số cam)</p> <p>Số cam người đó đem đi bán là:  <math>(30 + 6) : \frac{4}{7} = 63</math> (quả)</p> <p>Vậy số cam người đó đem đi bán là: 63 (quả)</p>	0,25 đ
		0,25 đ
		0,5 đ
<b>Bài 6.</b> <b>(1 điểm)</b>	 <p>a/ <u>Tính MB?</u></p> <p>Vì điểm M nằm giữa hai điểm A và B.  Nên: <math>AM + MB = AB</math>  <math>3 + MB = 6</math>  Vậy: <math>BC = 6 - 3 = 3</math> (cm)</p> <p>b/ <u>Điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng AB không?</u></p> <p>Vì điểm M nằm giữa hai điểm A và B.  Và: <math>AM = MB</math> (vì <math>3\text{ cm} = 3\text{ cm}</math>)  Vậy M là trung điểm của đoạn thẳng AB.</p>	0,25 đ
		0,25 đ
		0,25 đ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ  
PHƯỚC VĨNH AN

(Đề thi có 1 trang)

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI KỲ 2  
NĂM HỌC 2023 - 2024  
MÔN: TOÁN 6

Thời gian: 90 phút  
(Không kể thời gian phát đề)

**Bài 1: Thực hiện phép tính: (3 điểm)**

a)  $\frac{17}{10} + \frac{-23}{10}$

b)  $\frac{-3}{2} + \frac{4}{7} \cdot \frac{-7}{16}$

c)  $25\% - 1\frac{1}{2} + 0,5 \cdot \frac{12}{5}$

d)  $\frac{13}{12} \cdot \frac{8}{9} + \frac{13}{12} \cdot \frac{10}{9}$

**Bài 2: Tìm số nguyên x, biết: (2 điểm)**

a)  $\frac{-3}{2} + x = \frac{5}{4}$

b)  $\frac{5}{2} - x = \frac{-5}{3}$

c)  $\frac{-7}{8} + \frac{3}{4} : x = \frac{-3}{4}$

d)  $\frac{-4}{5} - \frac{3}{2}x = \frac{-3}{10}$

**Bài 3: (1,5 điểm)** Lớp 6A có 45 học sinh được xếp thành 3 loại tốt, khá và đạt. Số học sinh xếp loại tốt chiếm  $\frac{1}{3}$  số học sinh cả lớp, số học sinh xếp loại khá bằng  $\frac{2}{3}$  số học sinh còn lại. Tính số học sinh mỗi loại?

**Bài 4: (1 điểm)** Nhân dịp khai trương, một cửa hàng sách đã khuyến mãi giảm giá 10% so với giá niêm yết cho tất cả các loại sách. Bạn An mua 3 quyển sách, mỗi quyển đều có giá

120 000 đồng. Hỏi bạn An phải trả bao nhiêu tiền ?

**Bài 5: (1,5 điểm)** Vẽ đoạn thẳng  $AB = 8\text{cm}$ . Trên đoạn thẳng  $AB$  lấy điểm  $M$  sao cho  $AM = 4\text{cm}$ .

a) Tính  $MB$ ?

b) Điểm  $M$  có là trung điểm của  $AB$  hay không? Vì sao?

**Bài 6: (1 điểm)** Cho các hình bên

a) Hình nào có tâm đối xứng?

b) Hình nào có trục đối xứng?



Cánh quạt



Trái tim




Cánh diều

-----HẾT-----

## HƯỚNG DẪN CHẤM

Thứ tự bài (điểm)	Lời giải	Thang điểm
<b>Bài 1:</b> <b>(3 điểm)</b>	<p>Tính:</p> <p>a) <math>\frac{17}{10} + \frac{-23}{10} = \frac{17+(-23)}{10} = \frac{-6}{10} = \frac{-3}{5}</math></p> <p>b/ <math>\frac{-3}{2} + \frac{4}{7} \cdot \frac{-7}{16} = \frac{-3}{2} + \frac{-1}{4} = \frac{-6}{4} + \frac{-1}{4} = \frac{-7}{4}</math></p> <p>c/ <math>25\% - 1\frac{1}{2} + 0,5 \cdot \frac{12}{5} = \frac{1}{4} - \frac{3}{2} + \frac{6}{5} = \frac{5}{20} - \frac{30}{20} + \frac{24}{20} = \frac{-1}{20}</math></p> <p>d/ <math>\frac{13}{12} \cdot \frac{8}{9} + \frac{13}{12} \cdot \frac{10}{9} = \frac{13}{12} \cdot \left(\frac{8}{9} + \frac{10}{9}\right) = \frac{13}{12} \cdot 2 = \frac{13}{6}</math></p>	<p>0,25x3</p> <p>0,25x3</p> <p>0,25x3</p> <p>0,25x3</p>
<b>Bài 2:</b> <b>(2 điểm)</b>	<p>Tìm x:</p> <p>a) <math>\frac{-3}{2} + x = \frac{5}{4}</math>  <math>x = \frac{5}{4} - \frac{-3}{2} = \frac{11}{4}</math></p> <p>b) <math>\frac{5}{2} - x = \frac{-5}{3}</math>  <math>x = \frac{5}{2} - \frac{-5}{3} = \frac{25}{6}</math></p> <p>c) <math>\frac{-7}{8} + \frac{3}{4} : x = \frac{-3}{4}</math>  <math>\frac{3}{4} : x = \frac{-3}{4} - \frac{-7}{8}</math>  <math>x = \frac{3}{4} : \frac{1}{8} = 6</math></p>	<p>0,25x2</p> <p>0,25x2</p> <p>0,25x2</p>

	$\frac{-4}{5} - \frac{3}{2}x = \frac{-3}{10}$ <p>d) <math>\frac{3}{2}x = \frac{-4}{5} - \frac{-3}{10}</math></p> $x = \frac{-1}{2} : \frac{3}{2} = \frac{-1}{3}$	0,25x2
<b>Bài 3:</b> <b>(1,5 điểm)</b>	<p><b>Giải</b></p> <p>Số học sinh xếp loại tốt là: <math>45 \cdot \frac{1}{3} = 15(hs)</math></p> <p>Số học sinh xếp loại khá là: <math>(45 - 15) \cdot \frac{2}{3} = 20(hs)</math></p> <p>Số học sinh xếp loại đạt là: <math>45 - (15 + 20) = 10(hs)</math></p>	0,5đ 0,5đ 0,5đ
<b>Bài 4:</b> <b>(1 điểm)</b>	<p>Số tiền bạn An phải trả là</p> $120\ 000 \cdot 3 \cdot (1 - 10\%) = 324\ 000 \text{ (đồng)}$	0,5x2
<b>Bài 5:</b> <b>(1,5 điểm)</b>	 <p>a/ Tính MB?</p> <p>Ta có</p> $AM + MB = AB$ $MB = 8 - 4 = 4 \text{ (cm)}$ <p>b/ Điểm M có là trung điểm của AB hay không? Vì sao?</p> <p>Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điểm M nằm giữa điểm A và điểm B</li> <li>+ <math>AM = MB = 4 \text{ (cm)}</math></li> </ul>	0,25x3 0,25x3
<b>Bài 6:</b> <b>(1 điểm)</b>	<p>a/ Hình có trục đối xứng: Cả 3 hình</p> <p>b/ Hình có tâm đối xứng: Cánh quạt</p>	0,25x4



TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được số đối của một phân số.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai số thập phân cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân.</li> <li>Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</li> </ul>	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)	
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.	<p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai phân số cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.</li> <li>Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.</li> <li>Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.</li> <li>Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.</li> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</li> </ul>	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng.</li> <li>Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</li> </ul>	Bài 4 (1đ)			
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng, Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.</li> <li>Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).</li> <li>Nhận biết được khái niệm số đo góc.</li> </ul>	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>

<b>Tỉ lệ %</b>	<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>	<b>70%</b>		<b>30%</b>	

**Bài 1.**

a) NB (1,0 điểm). Tìm số đối của các phân số sau:  $\frac{3}{5}$  ;  $\frac{-1}{5}$  ;  $\frac{2}{-3}$  ;  $\frac{-4}{-7}$

b) TH (0,75 điểm). Sắp xếp các số sau theo thứ tự giảm dần: - 4, 25 ; 3,12 ;  $3\frac{1}{5}$  ; - 4,2.

c) VD (0,5 điểm). Tính hợp lí:  $1\frac{3}{5} + \frac{-2}{5} : \frac{3}{4}$

**Bài 2.** Tìm x, biết:

a) NB (0,5 điểm)  $x + \frac{3}{5} = \frac{-1}{2}$

b) TH (0,75)  $1,3 \cdot x = \frac{3}{4} + 2\frac{1}{2}$

c) VD (0,5 điểm)  $(x - 3,4) : \frac{2}{5} = \frac{-3}{2}$

**Bài 3** TH (2,5 điểm). Một lớp dạy bơi có 36 học viên. Sau 2 tuần học thì có  $\frac{5}{9}$  số học viên của lớp biết bơi.

bơi.

a) Tìm số học viên chưa biết bơi sau 2 tuần của lớp này.

b) Tìm tỉ số phần trăm của học viên biết bơi và tỉ số phần trăm của học viên chưa biết bơi sau 2 tuần của lớp này.

**Bài 4** NB (1,0 điểm). Trong các hình dưới đây:

a) Hãy cho biết hình nào dưới đây có trục đối xứng:



Hình a



Hình b



Hình c

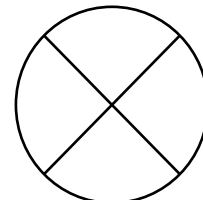
b) Hãy cho biết hình nào dưới đây có tâm đối xứng



Hình d



Hình e



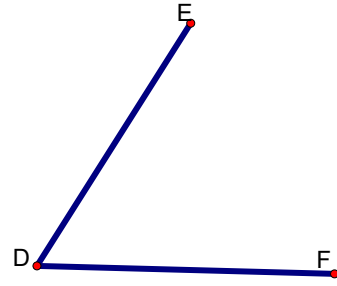
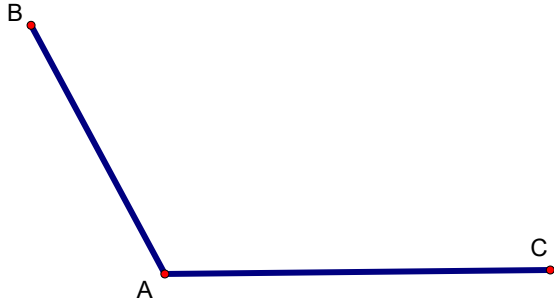
Hình f

**Bài 5** VDC (1,0 điểm). Bác Tư gửi 200 000 000 đồng vào ngân hàng Vietin Bank kì hạn 12 tháng với lãi suất 5,2%/ 1 năm. Hỏi sau 1 năm bác Tư rút được tiền lãi là bao nhiêu? Số tiền lãi này có đủ để bác Tư đi du lịch Sa Pa 5 ngày 4 đêm với giá trọn gói 10 200 000 đồng không?

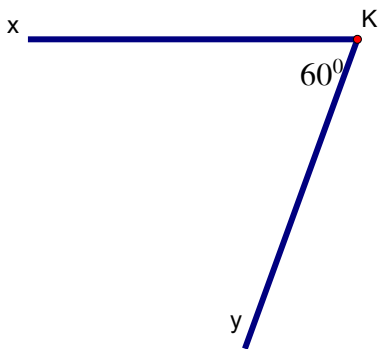
**Bài 6** NB (1 điểm).

a) Vẽ hình: Đoạn thẳng AB có độ dài là 6 cm có M là trung điểm của AB.

b) Các góc sau đây là góc tù, góc nhọn hay góc vuông?



c) Dùng kí hiệu góc, em hãy ghi số đo góc trong hình sau:



  HẾT

## HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ ĐÁP ÁN

Bài 1.

a) Tìm đúng số đôi của mỗi số:  $0,25đ \times 4$

b) - Đôi hỗn số ra phân số:  $0,25 đ.$

- Xếp các số thập phân đúng thứ tự giảm dần:  $0,25 đ.$

- Các số theo thứ tự giảm dần:  $3\frac{1}{5}$  ;  $3,12$  ;  $- 4,2$  ;  $- 4,25$ .  $0,25$

Bài 2

a)  $0,25 \times 2$

b)  $0,25 \times 3$

c)  $0,25 \times 2$

Bài 3.

a) Tìm số học sinh biết bơi:  $0,5$

Tìm số học sinh chưa biết bơi:  $0,5$

b) Tính tỉ số phần trăm số học sinh biết bơi:  $0,25 \times 2$ ; kết quả:  $0,25 \times 2$ . Tìm tỉ số phần trăm số học sinh chưa biết bơi:  $0,25 \times 2$

Bài 4.

a) Hình a, hình c:  $0,25 \times 2$

b) Hình e, hình f:  $0,25 \times 2$

*Kể sai hình thì trừ  $0,25đ$  đối với 1 hình kể sai.*

Bài 5.

- Tính tiền lãi:  $0,75$

- Kết luận:  $0,25$

Bài 6

- Vẽ hình:  $0,25$

- Góc BAC là góc nhọn, góc DEF là góc t.  $0,25$

*Nhận dạng góc đúng nh ưng đ ọc ãn góc sai hoặc không ghi ãn góc thì trừ  $0,25đ$ .*

-  $\widehat{xKy} = 60^\circ$   $0,25 đ$

## MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được số đối của một phân số.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai số thập phân cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân.</li> <li>Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</li> </ul>	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)	
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.	<p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai phân số cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.</li> <li>Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.</li> <li>Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.</li> <li>Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.</li> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</li> </ul>	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng.</li> <li>Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</li> </ul>	Bài 4 (1đ)			
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.</li> <li>Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).</li> <li>Nhận biết được khái niệm số đo góc.</li> </ul>	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	



**Bài 1: (2,25 điểm) Tính giá trị biểu thức:**

a/  $\frac{4}{3} - \frac{5}{2}$

b/  $\frac{2}{3} \cdot \left(\frac{3}{5} + \frac{3}{7}\right)$

c/  $\frac{-3}{5} \cdot \frac{8}{11} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{11} + \frac{13}{5}$

**Bài 2: (2,25 điểm) Tìm x biết:**

a)  $x - \frac{-2}{5} = \frac{1}{3}$

b)  $0,2x + 3,25 = 6,05$

c)  $\frac{5}{2}x - \frac{3}{4} = 1\frac{2}{3}$

**Bài 3: (2,5 điểm)** Bạn Nam rất thích ăn sô cô la. Mẹ Nam có một thanh sô cô la, mẹ cho Nam chọn  $\frac{1}{2}$  hoặc  $\frac{2}{3}$  thanh sô cô la đó.

a/ Theo em bạn Nam sẽ chọn phần nào?

b/ Biết một thanh sô cô la nặng 150g. Hỏi phần sô cô la bạn Nam đã chọn nặng bao nhiêu gam?

**Bài 4: (1,0 điểm)** a) Hình chữ nhật có mấy trục đối xứng, vẽ hình minh họa.

b) Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng, hình nào có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

**Bài 5: (1,0 điểm)** Một người mang rổ cam đi bán. Nếu người đó đã bán đi  $\frac{3}{7}$  số cam và 6 quả nữa thì còn lại 30 quả. Hỏi số cam người đó đem đi bán là bao nhiêu quả?

**Bài 6: (1,0 điểm)** Cho đoạn thẳng  $AB = 6\text{cm}$ , trên đoạn thẳng  $AB$  lấy điểm  $M$  sao cho  $AM = 3\text{cm}$ .

a) Tính độ dài đoạn thẳng  $MB$ ?

b) Hỏi điểm  $M$  có là trung điểm của đoạn thẳng  $AB$  hay không? Vì sao?

## Đáp án

**Bài 1: (2,25 điểm) Tính giá trị biểu thức:**

$$\begin{aligned} \text{a/ } & \frac{4}{3} - \frac{5}{2} \\ &= \frac{8}{6} - \frac{15}{6} \end{aligned} \qquad \qquad \qquad \mathbf{0,5đ}$$

$$= \frac{-7}{6} \qquad \qquad \qquad \mathbf{0,5đ}$$

$$\begin{aligned} \text{b/ } & \frac{2}{3} \cdot \left( \frac{3}{5} + \frac{3}{7} \right) \\ &= \frac{2}{3} \cdot \frac{36}{35} \end{aligned} \qquad \qquad \qquad \mathbf{0,5đ}$$

$$= \frac{24}{35} \qquad \qquad \qquad \mathbf{0,25đ}$$

$$\begin{aligned} \text{c/ } & \frac{-3}{5} \cdot \frac{8}{11} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{11} + \frac{13}{5} \\ &= \frac{-3}{5} \cdot \left( \frac{8}{11} + \frac{3}{11} \right) + \frac{13}{5} \end{aligned} \qquad \qquad \qquad \mathbf{0,25đ}$$

$$\begin{aligned} &= \frac{-3}{5} \cdot 1 + \frac{13}{5} \\ &= \frac{-3}{5} + \frac{13}{5} = \frac{10}{5} = 2 \end{aligned} \qquad \qquad \qquad \mathbf{0,25đ}$$

**Bài 2: (2,25 điểm) Tìm x biết:**

$$\begin{aligned} \text{a/x } & \frac{-2}{5} = \frac{1}{3} \\ \mathbf{x} &= \frac{1}{3} + \frac{-2}{5} \end{aligned} \qquad \qquad \qquad \mathbf{0,5đ}$$

$$\mathbf{x} = \frac{-1}{15} \qquad \qquad \qquad \mathbf{0,5đ}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & 0,2x + 3,25 = 6,05 \\ 0,2x &= 6,05 - 3,25 \end{aligned} \qquad \qquad \qquad \mathbf{0,25đ}$$

$$\begin{aligned} 0,2x &= 2,8 \\ \mathbf{x} &= 2,8 : 0,2 \end{aligned} \qquad \qquad \qquad \mathbf{0,25đ}$$

$$\mathbf{x} = 14 \qquad \qquad \qquad \mathbf{0,25đ}$$

$$\begin{aligned} \text{c) } & \frac{5}{2}x - \frac{3}{4} = 1\frac{2}{3} \\ \frac{5}{2}\mathbf{x} &= \frac{5}{3} + \frac{3}{4} \end{aligned} \qquad \qquad \qquad \mathbf{0,25đ}$$

$$\frac{5}{2}\mathbf{x} = \frac{29}{12}$$

$$x = \frac{29}{12} : \frac{5}{2}$$

$$x = \frac{29}{30} \quad 0,25đ$$

**Bài 3: (2,5 điểm)**

a/  $\frac{1}{2} = \frac{3}{6}$        $\frac{2}{3} = \frac{4}{6}$       0,5đ

ta có  $3 < 4$  nên  $\frac{3}{6} < \frac{4}{6}$  suy ra  $\frac{1}{2} < \frac{2}{3}$       0,5đ

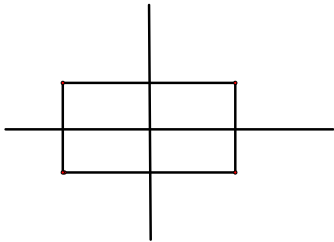
Vậy bạn Nam sẽ chọn phần  $\frac{2}{3}$  thanh Sô cô la.      0,5đ

b/ phần sô cô la bạn Nam đã chọn nặng là:

$$150 \cdot \frac{2}{3} = 100 \text{ (gam)} \quad 1,0đ$$

**Bài 4: (1,0 điểm)**

a/ Hình chữ nhật có 2 trục đối xứng      0,25đ



0,25đ

b) Hình có trục đối xứng: Hình 1; 2; 3      0,25đ

Hình có tâm đối xứng: Hình 2      0,25đ

**Bài 5: (1,0 điểm)**

Số quả cam còn lại sau khi mang  $\frac{3}{7}$  số cam đi bán là:

$$30 + 6 = 36 \text{ (quả)} \quad 0,25đ$$

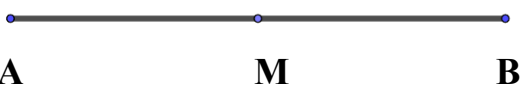
Nên số cam còn lại 30 quả và 6 quả chiếm:  $1 - \frac{3}{7} = \frac{4}{7}$  (số cam)      0,25đ

Số cam người đó đem đi bán là:

$$36 : \frac{4}{7} = 63 \text{ (quả)} \quad 0,5đ$$

Vậy số cam người đó đem đi bán là: 63 (quả)

**Bài 6: (1,0 điểm)**



a/ Tính MB?

Vì điểm M nằm giữa hai điểm A và B

$$\Rightarrow AM + MB = AB \quad 0,25đ$$

$$3 + MB = 6$$

$$MB = 6 - 3 = 3 \text{ (cm)} \quad 0,25đ$$

b/ Vậy điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB

Vì: - M nằm giữa hai điểm A và B 0,25đ

$$- MA = MB = 3\text{cm} \quad 0,25đ$$

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

Năm học: 2023-2024

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	3,5
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được số đối của một phân số.</p> <p><b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai số thập phân cho trước.</p> <p><b>Vận dụng:</b> – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</p>	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)	
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.	<p><b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai phân số cho trước.</p> <p><b>Vận dụng:</b> – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</p> <p><b>Vận dụng cao:</b> – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</p>	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)	Bài 3a (1,5đ) Bài 3b (1đ) Bài 5 (1đ)
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</p>	Bài 4 (1đ)			
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt). – Nhận biết được khái niệm số đo góc.</p>	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	

**Bài 1: (2,25 điểm)** Thực hiện các phép tính:

$$a) \frac{-5}{7} + \frac{1}{2} \cdot \frac{12}{7}$$

$$b) \frac{13}{17} \cdot \frac{4}{5} + \frac{13}{17} \cdot \frac{1}{5}$$

$$c) 2\frac{3}{4} + 0,6 \cdot \left(25\% - \frac{3}{4}\right)$$

**Bài 2: (2,25 điểm).** Tìm x, biết:

$$a) x - \frac{3}{4} = \frac{5}{8}$$

$$b) \left(x + \frac{11}{12}\right) : \frac{7}{6} = \frac{9}{14}$$

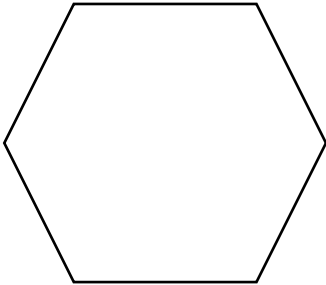
$$c) \frac{5}{2}x - \frac{3}{4} = 1\frac{2}{3}$$

**Bài 3 : (2,5 điểm).** Lớp 6A có 40 học sinh, kết quả học tập cuối học kì II như sau: số học sinh học lực tốt chiếm 25% so với số học sinh cả lớp, số học sinh học lực khá bằng  $\frac{2}{5}$  số học sinh cả lớp, còn lại là học sinh học lực đạt (không có học sinh học lực chưa đạt).

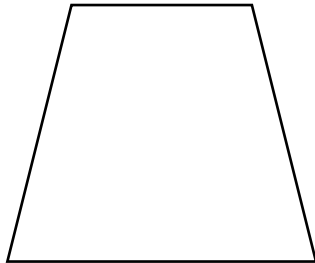
a) Hãy tìm số học sinh học lực tốt, số học sinh học lực khá và số học sinh học lực đạt của lớp 6A.

b) Nhà Tâm có khu vườn hình chữ nhật có chiều dài là 100 m, chiều rộng bằng  $\frac{3}{4}$  chiều dài  
Tính chu vi và diện tích khu vườn hình chữ nhật

**Bài 4 : (1 điểm).** Cho hình vẽ



Hình a



Hình b



Hình c

Hãy cho biết:

- Hình nào có trục đối xứng mà không có tâm đối xứng?
- Hình nào có tâm đối xứng mà không có trục đối xứng?
- Hình nào vừa có trục đối xứng, vừa có tâm đối xứng?

**Bài 5: (1 điểm)** . Tính tổng.

$$\frac{2}{1.3} + \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \dots + \frac{2}{19.21}$$

**Bài 6: ( 1 điểm)**

Trên tia Ox vẽ 2 điểm M, N sao cho OM = 3cm, ON = 6cm.

- Trong 3 điểm O, M, N thì điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại?
- Chứng tỏ điểm M là trung điểm của đoạn thẳng ON

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II-KHỐI 6-2023-2024**

**Bài 1:** ( 2,25 điểm)

$$\begin{aligned} \text{a)} \quad & \frac{-5}{7} + \frac{1}{2} \cdot \frac{12}{7} \\ & = \frac{-5}{7} + \frac{6}{7} = \frac{1}{7} \qquad 0,5 + 0,5 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b)} \quad & \frac{13}{17} \cdot \frac{4}{5} + \frac{13}{17} \cdot \frac{1}{5} \\ & = \frac{13}{17} \cdot \left( \frac{4}{5} + \frac{1}{5} \right) \qquad 0,25 \end{aligned}$$

$$= \frac{13}{7} \cdot 1 \qquad 0,25$$

$$= \frac{13}{7} \qquad 0,25$$

$$\text{c)} \quad 2\frac{3}{4} + 0,6 \cdot \left( 25\% - \frac{3}{4} \right)$$

- Đổi thành phân số : 0,25

$$\text{- Kết quả : } \frac{49}{20} \qquad 0,25$$

**Bài 2 :** (2,25 điểm) .Tìm x, biết:

$$\begin{aligned} \text{a)} \quad & x - \frac{3}{4} = \frac{5}{8} \\ & x = \frac{5}{8} + \frac{3}{4} \qquad 0,5 \\ & x = \frac{11}{8} \qquad 0,5 \end{aligned}$$

$$\text{b)} \quad \left( x + \frac{11}{12} \right) : \frac{7}{6} = \frac{9}{14}$$

$$x + \frac{11}{12} = \frac{9}{14} \cdot \frac{7}{6} \qquad 0,25$$

$$x = \frac{3}{4} - \frac{11}{12} \qquad 0,25$$

$$x = \frac{-1}{6} \qquad 0,25$$

$$\begin{aligned} \text{c)} \quad & \frac{5}{2}x - \frac{3}{4} = 1\frac{2}{3} \\ \frac{5}{2}x & = \frac{5}{3} + \frac{3}{4} \qquad 0,25 \\ x & = \frac{7}{6} \qquad 0,25 \end{aligned}$$

**Bài 3 :** (2,5 điểm).

a) Lời giải đúng và kết quả đúng số lượng học sinh đạt mỗi loại : ( 0,25+ 0,25 ) . 3

b) + Chiều rộng : 75m 0,25

+ chu vi : ( 100+ 75 ) . 2 =350m 0,25+0,25

+ Diện tích : 100.75 = 7500m<sup>2</sup> 0,25

**Bài 4 :** (1 điểm).

a) Hình b 0,25

b) Hình c 0,25

c) Hình a 0,5

**Bài 5:** (1điểm) . Tính tổng.

$$\frac{2}{1.3} + \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \dots + \frac{2}{19.21}$$



$$= 1 - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{7} + \frac{1}{7} + \dots + \frac{1}{19} - \frac{1}{21} \quad 0,5$$

$$= 1 - \frac{1}{21} \quad 0,25$$

$$= \frac{20}{21} \quad 0,25$$

**Bài 6: ( 1 điểm)**

+ Vẽ hình đúng 0,25

+ Điểm M nằm giữa 2 điểm O và N 0,25

+ Tính đúng :  $MN = 3\text{cm}$  0,25

+ M là trung điểm của đoạn thẳng ON 0,25

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

## BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được số đối của một phân số.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai số thập phân cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân.</li> <li>Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</li> </ul>	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)	
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.	<p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai phân số cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.</li> <li>Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.</li> <li>Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.</li> <li>Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.</li> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</li> </ul>	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng.</li> <li>Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</li> </ul>	Bài 4 (1đ)			Bài 5 (1đ)

3	Các hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.</li> <li>– Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).</li> <li>– Nhận biết được khái niệm số đo góc.</li> </ul>	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	

**Bài 1:** (2,25 điểm) Thực hiện phép tính

a)  $\frac{3}{2} + \frac{5}{4} - \frac{14}{16}$       b)  $\frac{2}{5} \cdot \frac{1}{3} - \frac{1}{15} : \frac{1}{5}$       c)  $1\frac{5}{7} \cdot \frac{1}{3} + \frac{12}{7} \cdot \frac{2}{3}$

**Bài 2:** (2,25 điểm) Tìm x, biết:

a)  $\frac{x}{-9} = \frac{-20}{45}$       b)  $x + \frac{3}{4} = \frac{1}{2}$       c)  $\left(\frac{4}{7} + x\right) : \frac{5}{3} = \frac{6}{35}$

**Bài 3:** (2,5 điểm): Lớp 6A có 40 học sinh. Số học sinh loại Tốt chiếm 20% số học sinh cả lớp, số học sinh loại Khá bằng  $\frac{7}{4}$  số học sinh giỏi, còn lại là học sinh loại Đạt.

- a) Tính số học sinh mỗi loại của lớp 6A.  
b) Tính tỷ lệ phần trăm số học sinh loại Khá so với số học sinh cả lớp

**Bài 4** (1 điểm) Trong các hình sau hình nào có trục đối xứng, hình nào có tâm đối xứng, hình nào vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng.



Tam giác đều



Cánh quạt



Trái tim



Cánh diều

**Bài 5** (1 điểm)

Một quyển sách dày 50 trang. Ngày đầu An đọc được  $\frac{3}{5}$  số trang sách. Ngày thứ hai An đọc tiếp 50% số trang sách còn lại. Hỏi An còn bao nhiêu trang sách chưa đọc ?

**Bài 6** (1 điểm)

a) Cho đoạn thẳng  $AB = 12$  cm, vẽ điểm I là trung điểm của đoạn thẳng AB. Tính khoảng cách từ trung điểm I đến mỗi đầu đoạn thẳng.

b) Vẽ góc  $\widehat{xOy} = 70^\circ$  và góc  $\widehat{mAn} = 120^\circ$

-----HẾT-----

## ĐÁP ÁN

<b>Bài 1</b>	a) $\frac{3}{2} + \frac{5}{4} - \frac{14}{16} = \frac{24}{16} + \frac{20}{16} + \frac{-14}{16} = \frac{24+20+(-14)}{16} = \frac{30}{16} = \frac{15}{8}$	1,0
	b) $\frac{2}{5} \cdot \frac{1}{3} - \frac{1}{15} : \frac{1}{5} = \frac{2}{15} - \frac{1}{3} = \frac{2}{15} + \frac{-5}{15} = \frac{-3}{15} = \frac{-1}{5}$	0,75
	c) $1 \frac{5}{7} \cdot \frac{1}{3} + \frac{12}{7} \cdot \frac{2}{3} = \frac{12}{7} \cdot \frac{1}{3} + \frac{12}{7} \cdot \frac{2}{3} = \frac{12}{7} \cdot \left(\frac{1}{3} + \frac{2}{3}\right) = \frac{12}{7} \cdot 1 = \frac{12}{7}$	0,5
<b>Bài 2</b>	$\frac{x}{-9} = \frac{-20}{45}$ $x \cdot 45 = (-9) \cdot (-20)$ a/ $x \cdot 45 = 180$ $x = 180 : 45$ $x = 4$	0,25 0,25 0,25 0,25
	$x + \frac{3}{4} = \frac{1}{2}$ $x = \frac{1}{2} - \frac{3}{4}$ b/ $x = \frac{1}{2} + \frac{-3}{4}$ $x = \frac{-1}{4}$	0,25 0,25 0,25
	$\left(\frac{4}{7} + x\right) : \frac{5}{3} = \frac{6}{35}$ $\frac{4}{7} + x = \frac{6}{35} \cdot \frac{5}{3}$ c/ $\frac{4}{7} - x = \frac{2}{7}$ $x = \frac{4}{7} - \frac{2}{7}$ $x = \frac{2}{7}$	0,25 0,25
<b>Bài 3</b>	a) Số học sinh tốt của lớp 6A 1: $40 \cdot 20\% = 40 \cdot \frac{20}{100} = 8$ (học sinh)	0,5
	Số học sinh kém của lớp 6A 1: $8 \cdot \frac{7}{4} = 14$ (học sinh)	0,5

	Số học sinh đạt của lớp 6A 1 : $40 - (8 + 14) = 18$ (học sinh)	0.5
	b) Tỷ lệ phần trăm số học sinh khá so với số học sinh cả lớp là: $\frac{14}{40} \cdot 100\% = 35\%$	1.0
<b>Bài 4</b>	* Hình chữ nhật đối xứng 1 : Hình chữ nhật	0.25
	* Hình chữ nhật đối xứng 1 : Hình tam giác đều, hình chữ nhật, hình chữ nhật, hình chữ nhật.	0,5
	* Hình chữ nhật đối xứng vừa chữ nhật đối xứng 1 : Hình chữ nhật	0.25
<b>Bài 5</b>	Số trang sách ngày đầu An đọc được: $50 \cdot \frac{3}{5} = 30$ (trang)	0.25
	Số trang sách còn lại: $50 - 30 = 20$ (trang)	0.25
	Số trang sách ngày thứ hai An đọc được: $50\% \cdot 20 = 10 = 10$ (trang)	0.25
	Số trang sách An chưa đọc 1: $50 - (20 + 10) = 10$ (trang)	0.25
<b>Bài 6</b>	a) Vẽ hình đúng có đánh dấu giống nhau Tính đúng độ dài $AI = BI = 12 : 2 = 6$ (cm)	0,25 0.25
	b) Vẽ đúng số đo góc xOy Vẽ đúng số đo góc mAn	0,25 0.25

\*\*\*Học sinh làm cách khác đúng vẫn chấm trọn số điểm câu đó.

UBND HUYỆN CỬ CHI  
TRƯỜNG THCS TÂN AN HỘI

**KIỂM TRA CUỐI KÌ II – NĂM HỌC 2023 - 2024**

**MÔN: TỐN – KHỐI 6**

**THỜI GIAN: 90 phút**

*(Không kể thời gian phát đề)*

**Bài 1:** (2,25 điểm) Thực hiện phép tính

b)  $\frac{3}{2} + \frac{5}{4} - \frac{14}{16}$       b)  $\frac{2}{5} \cdot \frac{1}{3} - \frac{1}{15} : \frac{1}{5}$       c)  $1\frac{5}{7} \cdot \frac{1}{3} + \frac{12}{7} \cdot \frac{2}{3}$

**Bài 2:** (2,25 điểm) Tìm x, biết:

b)  $\frac{x}{-9} = \frac{-20}{45}$       b)  $x + \frac{3}{4} = \frac{1}{2}$       c)  $\left(\frac{4}{7} + x\right) : \frac{5}{3} = \frac{6}{35}$

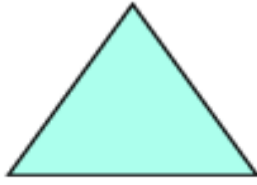
**Bài 3:** (2,5 điểm): Lớp 6A có 40 học sinh. Số học sinh tốt chiếm 20% số học sinh cả lớp, số học sinh khá bằng  $\frac{7}{4}$  số học sinh giỏi, còn lại là học sinh đạt.

a) Tính số học sinh mỗi loại của lớp 6A.

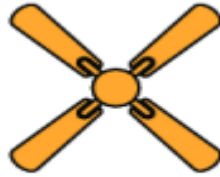
b) Tính tỷ lệ phần trăm số học sinh khá so với số học sinh cả lớp

**Bài 4** (1 điểm) Trong các hình sau hình nào chỉ trục đối xứng, hình nào chỉ tâm đối xứng, hình nào vừa chỉ trục đối xứng vừa chỉ tâm đối xứng.





Tam giác đều



Cánh quạt



Trái tim



Cánh diều

**Bài 5** (1 điểm)

Một quyển sách dày 50 trang. Ngày đầu An đọc được  $\frac{3}{5}$  số trang sách. Ngày thứ hai An đọc tiếp 50% số trang sách còn lại. Hỏi An còn bao nhiêu trang sách chưa đọc ?

**Bài 6** (1 điểm)

a) Cho đoạn thẳng  $AB = 12 \text{ cm}$ , vẽ điểm  $I$  là trung điểm của đoạn thẳng  $AB$ . Tính khoảng cách từ trung điểm  $I$  đến mỗi đầu đoạn thẳng.

b) Vẽ góc  $\widehat{xOy} = 70^\circ$  và góc  $\widehat{mAn} = 120^\circ$

-----HẾT-----

## MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được số đối của một phân số.</p> <p><b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai số thập phân cho trước.</p> <p><b>Vận dụng:</b> – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</p>	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)	
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.	<p><b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai phân số cho trước.</p> <p><b>Vận dụng:</b> – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</p> <p><b>Vận dụng cao:</b> – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</p>	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)	Bài 3a (1,5đ) Bài 3b (1đ) Bài 5 (1đ)
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</p>	Bài 4 (1đ)			
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt). – Nhận biết được khái niệm số đo góc.</p>	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI  
TRƯỜNG TH – THCS TÂN TRUNG

**ĐỀ THAM KHẢO**

*(Đề có 2 trang)*

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**NĂM HỌC: 2023 – 2024**

**MÔN: TOÁN – LỚP: 6**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

*(không kể thời gian phát đề)*

**Bài 1 (2,25 điểm).** Thực hiện phép tính:

a)  $\frac{4}{5} + \frac{-1}{5}$

b)  $0,5 \cdot \frac{2}{3} - \frac{1}{5}$

c)  $\frac{2}{7} \cdot \frac{2}{5} + \frac{13}{5} \cdot \frac{2}{7} + 1 \frac{2}{3}$

**Bài 2 (2,25 điểm).** Tìm  $x$ , biết:

a)  $x + \frac{-2}{7} = \frac{9}{7}$

b)  $x - 22,6 = 13,25$

c)  $\frac{5}{7} : x - 1 = \frac{2}{3}$

**Bài 3 (2,5 điểm).** Chiều dài của một mảnh vườn hình chữ nhật là 30 m, chiều rộng bằng  $\frac{3}{5}$  chiều dài.

a) Tính chiều rộng và diện tích của mảnh vườn.

b) Người ta lấy một phần đất để đào ao. Biết diện tích ao bằng  $\frac{2}{3}$  diện tích của mảnh vườn. Tính diện tích mảnh vườn còn lại.

**Bài 4 (1 điểm).** Trong các hình dưới đây, hình nào có trục đối xứng?



(hình 1)



(hình 2)



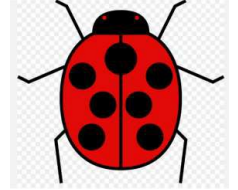
(hình 3)



(hình 4)



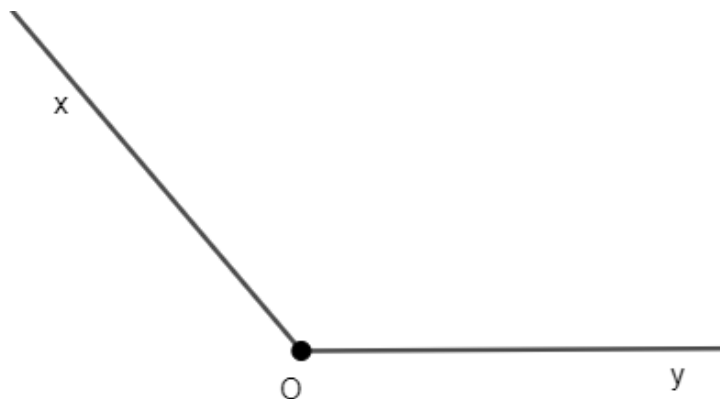
(hình 5)



(hình 6)

**Bài 5 (1 điểm).** Một lớp 6B có 48 học sinh gồm 3 loại: Tốt, Khá, Đạt. Trong đó, số học sinh Khá chiếm 50% số học sinh cả lớp; số học sinh Tốt bằng  $\frac{1}{3}$  số học sinh Khá. Tính số học sinh mỗi loại của lớp 6B?

**Bài 6 (1 điểm).** Cho hình vẽ bên dưới. Em hãy: nêu tên góc, dùng thước đo độ hãy đo góc và cho biết góc đo có số đo bằng bao nhiêu, góc vừa đo được là góc gì?



## ĐÁP ÁN TOÁN 6

BÀI	NỘI DUNG	ĐIỂM	
1 (2,25 điểm)	a	$\frac{4}{5} + \frac{-1}{5}$	<b>1,0</b>
		$= \frac{4-1}{5}$	0,5
		$= \frac{3}{5}$ .	0,5
	b	$0,5 \cdot \frac{2}{3} - \frac{1}{5}$	<b>0,75</b>
		$= \frac{1}{2} \cdot \frac{2}{3} - \frac{1}{5}$	0,25
		$= \frac{1}{3} - \frac{1}{5}$	
		$= \frac{5}{15} - \frac{3}{15}$	0,25
		$= \frac{2}{15}$ .	0,25
	c	$\frac{2}{7} \cdot \frac{2}{5} + \frac{13}{5} \cdot \frac{2}{7} + 1 \frac{2}{3}$	<b>0,5</b>
		$= \frac{2}{7} \cdot \left( \frac{2}{5} + \frac{13}{5} \right) + \frac{5}{3}$	0,25
		$= \frac{2}{7} \cdot \frac{15}{5} + \frac{5}{3}$	
		$= \frac{6}{7} + \frac{5}{3}$	
	$= \frac{18}{21} + \frac{35}{21}$		
	$= \frac{53}{21}$ .	0,25	
2 (2,25 điểm)	a	$x + \frac{-5}{7} = \frac{9}{7}$	<b>1,0</b>
		$x = \frac{9}{7} - \frac{-5}{7}$	0,25
		$x = \frac{9 - (-5)}{7}$	0,25
		$x = \frac{14}{7}$	0,25
		$x = 2$ .	0,25
	b	$x - 22,6 = 13,25$	<b>0,75</b>
		$x = 13,25 + 22,6$	0,5
		$x = 35,85$ .	0,25

	c	$\frac{5}{7}:x-1=\frac{2}{3}$	<b>0,5</b>
		$\frac{5}{7}.x=\frac{2}{3}+1=\frac{5}{3}$	0,25
		$x=\frac{5}{3}:\frac{5}{7}=\frac{3}{5}.\frac{7}{5}$	
		$x=\frac{21}{25}$ .	0,25
3 (2,5 điểm)	a	Tính chiều rộng và diện tích của mảnh vườn	<b>1,5</b>
		Chiều rộng của mảnh vườn là $30.\frac{3}{5}=18(\text{m})$	0,75
		Diện tích mảnh vườn là $30.18=540(\text{m}^2)$	0,75
	b	Người ta lấy một phần đất để đào ao. Biết diện tích ao bằng $\frac{2}{3}$ diện tích của mảnh vườn. Tính diện tích còn lại.	<b>1,0</b>
		Diện tích ao là $540.\frac{2}{3}=360(\text{m}^2)$ Diện tích mảnh vườn còn lại là $540-360=180(\text{m}^2)$	0,5 0,5
4 (1,0 điểm)		Hình có trục đối xứng là hình 1, hình 3, hình 4, hình 6.	0,24 x 4
5 (1,0 điểm)		Số học sinh đạt loại Khá của lớp 6B là: $48.50\%=24(\text{học sinh})$	0,25
		Số học sinh đạt loại Tốt của lớp 6B là: $24.\frac{1}{3}=8(\text{học sinh})$	0,25
		Số học sinh đạt loại Đạt của lớp 6B là: $48-24-8=16(\text{trung})$	0,25 x 2
6 (1,0 điểm)		Tên góc: Góc $xOy$ .	0,25
		Số đo góc: $130^0$ .	0,5
		Góc vừa đo là góc tù.	0,25

**Bài 1: (2,25 điểm)**

- a) Tìm số đối của  $\frac{-5}{7}$   
b) So sánh  $-2,752$  và  $-2,749$   
c) So sánh  $\frac{-2}{3}$  và  $\frac{3}{-4}$

**Bài 2: (2,25 điểm)** Thực hiện phép tính:

- a)  $\frac{2}{5} + \frac{3}{4}$   
b)  $2\frac{1}{3} : \frac{14}{9} - 0,25$   
c)  $\frac{3}{11} \cdot \frac{-5}{9} + \frac{8}{11} \cdot \frac{-5}{9}$

**Bài 3: (2,5 điểm)**

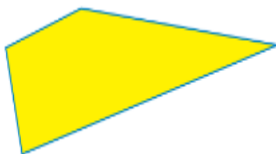
a) Một cái ti vi được cửa hàng bán với giá 9 000 000 đồng. Tìm giá mới của ti vi sau khi giảm giá 15%.

b) Lớp 6A có 45 học sinh, trong đó số học sinh nữ chiếm  $\frac{3}{5}$  số học sinh cả lớp.

Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh nam và số học sinh nam chiếm bao nhiêu phần trăm so với số học sinh cả lớp?

**Bài 4: (1,0 điểm)**

Hình nào sau đây có trục đối xứng?



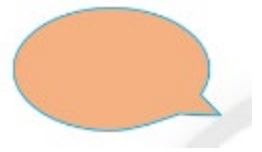
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

**Bài 5: (1,0 điểm)** Bạn Lan đọc hết một quyển sách trong 3 ngày. Ngày thứ nhất Lan đọc được  $\frac{1}{4}$  số trang, ngày thứ hai Lan đọc được  $\frac{3}{5}$  số trang còn lại. Biết ngày thứ ba

Lan đọc 60 trang nữa là hết quyển sách. Hỏi quyển sách bạn Lan đọc có bao nhiêu trang?

**Bài 6 : (1,0 điểm)**

Vẽ đoạn thẳng  $AB = 6\text{cm}$ . Vẽ điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB. Tính độ dài đoạn thẳng AM.

.....**Hết**.....



## HƯỚNG DẪN CHẤM – TOÁN 6

### Bài 1: (2,25 điểm)

- a) Tìm số đối đúng. 1,0 đ  
b) So sánh đúng. 0,75 đ  
c) Quy đồng mẫu và so sánh đúng. 0,5 đ

### Bài 2: (2,25 điểm) Thực hiện phép tính:

- a) Quy đồng mẫu đúng 0,5 đ  
Kết quả đúng 0,5 đ  
b) Đổi hỗn số, đổi số thập phân và nghịch đảo đúng 0,25 đ  
Nhân đúng 0,25 đ  
Kết quả đúng 0,25 đ

c)  $\frac{3}{11} \cdot \frac{-5}{9} + \frac{8}{11} \cdot \frac{-5}{9}$  0,25 đ  
 $= \frac{-5}{9} \cdot \left( \frac{3}{11} + \frac{8}{11} \right)$   
 $= \frac{-5}{9} \cdot 1 = \frac{-5}{9}$  0,25 đ

### Bài 3: (2,5 điểm)

- a) Giá mới của ti vi sau khi giảm giá là:  
 $9\ 000\ 000 \cdot (100\% - 15\%) = 7\ 650\ 000$  (đồng) 1,5 đ  
b) Số học sinh nữ là:  $45 \cdot \frac{3}{5} = 27$  (học sinh) 0,25 đ  
Số học sinh nam là:  $45 - 27 = 18$  (học sinh) 0,25 đ  
Tỉ lệ phần trăm số học sinh nam so với số học sinh cả lớp:  
 $18 : 45 = 40\%$  0,5 đ

### Bài 4: (1,0 điểm)

Hình 2 có trục đối xứng. 1,0 đ

### Bài 5: (1,0 điểm)

Số phần trang sách còn lại sau ngày thứ nhất là:

$$1 - \frac{1}{4} = \frac{3}{4} \quad 0,25 \text{ đ}$$

Số phần trang sách Lan đọc ngày thứ 2 là:

$$\frac{3}{4} \cdot \frac{3}{5} = \frac{9}{20} \quad 0,25 \text{ đ}$$

Số phần trang sách còn lại ngày thứ 3 là:

$$1 - \left( \frac{1}{4} + \frac{9}{20} \right) = \frac{3}{10} \quad 0,25 \text{ đ}$$

Số trang của quyển sách là:

$$60 : \frac{3}{10} = 200 \text{ (trang)}. \quad 0,25 \text{ đ}$$

### Bài 6 : (1,0 điểm)

- Vẽ hình đúng 0,5 đ  
Tính đúng độ dài đoạn thẳng AM 0,5 đ

.....Hết.....

Thời gian : 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

**Bài 1: ( 2,25 điểm) Thực hiện các phép tính**

a/  $\frac{3}{8} - \frac{1}{4}$

b/  $\frac{-2}{5} + 1\frac{1}{9} \cdot 0,6$

c)  $\frac{28}{23} \cdot \frac{9}{11} + \frac{28}{23} \cdot \frac{2}{11} - \frac{5}{23}$

**Bài 2 ( 2,25 điểm) Tìm x , biết**

a)  $\frac{3}{4}x + \frac{1}{6} = \frac{-1}{5}$

b)  $(\frac{5}{2} - x) \cdot \frac{3}{4} = 0,25$

c/  $(\frac{1}{2})^{x-1} \cdot 3 = \frac{3}{8}$

**Bài 3 (2,5 điểm)** Vườn nhà Lan trồng tất cả 120 cây gồm xoài, cam, mít. Số cây xoài chiếm  $\frac{7}{20}$  số cây trong vườn. Số cây cam bằng  $\frac{9}{7}$  số cây xoài. Còn lại là cây mít.

a) Em hãy giúp bạn Lan tính số cây mỗi loại trong vườn?

b) Gia đình Lan dự định bán quả cam giá 30 000 đồng/kg. Do thời tiết thay đổi chất lượng cam không tốt nên giá thực tế đã giảm 20% so với dự định. Tính số tiền thực tế gia đình Lan thu được sau khi bán  $\frac{3}{5}$  số cam trong vườn biết 1 cây cam thu hoạch được 15 kg quả cam.

**Bài 4: (1,0 điểm)** Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng, hình nào có tâm đối xứng?



a)



b)



c)



d)



e)

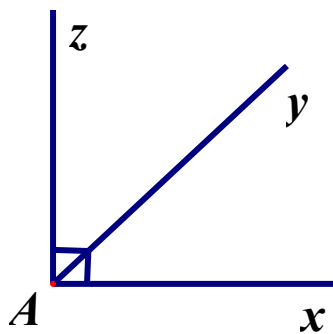
**Bài 5 (1,0 điểm)** Một nhà sách đang có chương trình khuyến mãi giảm 15% giá tất cả các loại sách. Tại thời điểm nhà sách đang khuyến mãi, bạn An muốn mua một số quyển sách tại đó với giá niêm yết của mỗi quyển sách là 200 000 nghìn đồng.

a) Tính số tiền bạn An phải trả nếu mua một quyển sách.

b) Biết bạn An mang theo hai tờ tiền mệnh giá 200 000 đồng và một tờ tiền mệnh giá 500 000 đồng. Hỏi bạn An có mang đủ tiền để mua 5 quyển sách không? Vì sao?

**Bài 6 (1,0 điểm)**

a) Cho hình vẽ:



Hãy kể tên các góc có trong hình vẽ, với mỗi góc cho biết đỉnh và hai cạnh? Góc  $xAz$  bằng bao nhiêu độ?

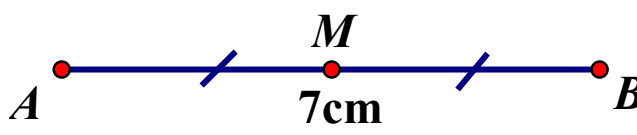
b) Vẽ đoạn thẳng  $AB = 7\text{cm}$ . Vẽ điểm  $M$  là trung điểm của  $AB$ .

## ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Câu	Nội dung	Thang điểm
<p><u>Bài 1</u> (2,25 điểm)</p>	<p>a) <math>\frac{3}{8} - \frac{1}{4}</math></p> $= \frac{3}{8} + \frac{-2}{8}$ $= \frac{1}{8}$	<p style="text-align: center;">0.5</p> <p style="text-align: center;">0.5</p>
	<p>b) <math>\frac{-2}{5} + 1\frac{1}{9} \cdot 0,6</math></p> $\frac{-2}{5} + 1\frac{1}{9} \cdot \frac{3}{5}$ $= \frac{-2}{5} + \frac{10}{9} \cdot \frac{3}{5}$ $= \frac{-2}{5} + \frac{2}{3}$ $= \frac{-6}{15} + \frac{10}{15}$ $= \frac{4}{15}$	<p style="text-align: center;">0.25</p> <p style="text-align: center;">0.25</p> <p style="text-align: center;">0.25</p>
	<p>c) <math>\frac{28}{23} \cdot \frac{9}{11} + \frac{28}{23} \cdot \frac{2}{11} - \frac{5}{23}</math></p> $\frac{28}{23} \cdot \frac{9}{11} + \frac{28}{23} \cdot \frac{2}{11} - \frac{5}{23}$ $= \frac{28}{23} \cdot \left( \frac{9}{11} + \frac{2}{11} \right) - \frac{5}{23}$ $= \frac{28}{23} \cdot 1 - \frac{5}{23}$ $= \frac{28}{23} - \frac{5}{23}$ $= \frac{23}{23} = 1$	<p style="text-align: center;">0.25</p> <p style="text-align: center;">0.25</p>

<p><u>Bài 2</u> (2,25 điểm)</p>	<p>a) <math>\frac{3}{4}x + \frac{1}{6} = \frac{-1}{5}</math>  <math>\frac{3}{4}x = \frac{-1}{5} - \frac{1}{6}</math>  <math>\frac{3}{4}x = \frac{-11}{30}</math>  <math>x = \frac{-11}{30} : \frac{3}{4}</math>  <math>x = \frac{-22}{45}</math></p>	<p>0.25  0.25  0.25  0.25</p>
	<p>b) <math>(\frac{5}{2} - x) \cdot \frac{3}{4} = 0,25</math>  <math>(\frac{5}{2} - x) \cdot \frac{3}{4} = \frac{1}{4}</math>  <math>\frac{5}{2} - x = \frac{1}{4} : \frac{3}{4}</math>  <math>\frac{5}{2} - x = \frac{1}{3}</math>  <math>x = \frac{5}{2} - \frac{1}{3}</math>  <math>x = \frac{13}{6}</math></p>	<p>0.25  0.25  0.25</p>
	<p>c/  <math>(\frac{1}{2})^{x-1} \cdot 3 = \frac{3}{8}</math>  <math>(\frac{1}{2})^{x-1} = \frac{3}{8} : 3</math>  <math>(\frac{1}{2})^{x-1} = \frac{1}{8}</math>  <math>(\frac{1}{2})^{x-1} = (\frac{1}{2})^3</math>  <math>\Rightarrow x - 1 = 3</math>  <math>x = 3 + 1</math>  <math>x = 4</math></p>	<p>0.25  0.25</p>
<p><u>Bài 3</u> (2,5 điểm)</p>	<p>a) Số cây xoài trong vườn:</p>	<p>0.5</p>

	$120 \cdot \frac{7}{20} = 42$ (cây) Số cây cam trong vườn: $\frac{9}{7} \cdot 42 = 54$ (cây) Số cây mít trong vườn: $120 - (42 + 54) = 24$ (cây)	0,5
	b) Số kg quả cam đã bán : $15 \cdot 54 \cdot \frac{3}{5} = 486$ (kg) Số tiền thực tế gia đình Lan thu được: $486 \cdot 30000 \cdot (100\% - 20\%) = 11\ 664\ 000$ (đồng)	0.5  0.5
<u>Bài 4</u> (1,0 điểm)	<i>(Mỗi hình đúng được 0,25 điểm)</i> - Hình có trục đối xứng: a, d. - Hình có tâm đối xứng: c, e.	0.25 x2 0.25 x2
<u>Bài 5</u> (1,0 điểm)	a) Số tiền bạn An phải trả nếu mua một quyển sách: $200\ 000 \cdot (100\% - 15\%) = 170\ 000$ (đồng) b) Số tiền mua 5 quyển sách: $5 \cdot 170\ 000 = 850\ 000$ (đồng) Số tiền An mang theo: $500\ 000 + 2 \cdot 200\ 000 = 900\ 000$ (đồng) $> 850\ 000$ (đồng)	0.25  0.25  0.25  0,25

	Vậy An mang đủ tiền để mua 5 quyển sách.	
<u>Bài 6</u> (1,0 điểm)	a/ Hãy kể tên các góc có trong hình vẽ, với mỗi góc cho biết đỉnh và hai cạnh? <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góc xAy có đỉnh là A, hai cạnh : Ax, Ay</li> <li>- Góc yAz có đỉnh là A, hai cạnh : Ay, Az</li> <li>- Góc xAz có đỉnh là A, hai cạnh : Ax, Az</li> <li>- Góc xAz = <math>90^0</math></li> </ul>	0.5
	b/ 	0.5

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**  
**TRƯỜNG THCS TÂN PHÚ TRUNG**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

**Năm học: 2023 - 2024**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	3,5
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>



**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

**Năm học: 2023 - 2024**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được số đối của một phân số.</p> <p><b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai số thập phân cho trước.</p> <p><b>Vận dụng:</b> – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</p>	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)	
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.	<p><b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai phân số cho trước.</p> <p><b>Vận dụng:</b> – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</p> <p><b>Vận dụng cao:</b> – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</p>	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</p>	Bài 4 (1đ)			
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt). – Nhận biết được khái niệm số đo góc.</p>	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	

**ĐỀ THAM KHẢO**

**Bài 1: Thực hiện phép tính ( Tính theo cách hợp lý) (2,25 điểm)**

a/  $\frac{12}{13} + \frac{-23}{24} + \frac{-12}{13} + \frac{23}{24} + 2024$

b/  $0,125 \cdot \frac{4}{7} - 0,4$

c/  $\frac{-7}{8} \cdot \frac{2}{5} + \frac{-7}{8} \cdot \frac{3}{5}$

**Bài 2: Tìm x, biết (2,25 điểm)**

a/  $x + \frac{3}{8} = \frac{2}{3}$

b/  $0,25x - \frac{1}{2} = 1\frac{1}{2}$

c/  $\frac{1}{2} - 3 \cdot \left(x - \frac{2}{5}\right) = 25\%$

**Bài 3: (2,5 điểm)**

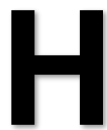
a/ Lớp 6A có 45 học sinh. Trong đợt sơ kết HK1 vừa rồi lớp 6A đạt 3 loại giỏi, khá và đạt, biết số học sinh giỏi bằng  $\frac{1}{5}$  số học sinh cả lớp, số học sinh khá bằng  $\frac{2}{3}$  số học sinh còn lại, còn lại là số học sinh đạt. Tính số học sinh giỏi, khá và đạt của lớp 6A.

b/ Một người mua một món hàng và phải trả tổng cộng 2 915 000 đồng kể cả thuế giá trị gia tăng (VAT) là 10%. Hỏi nếu không kể thuế VAT thì người đó phải trả bao nhiêu tiền cho món hàng.

**Bài 4: (1 điểm) Trong các hình sau:**



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

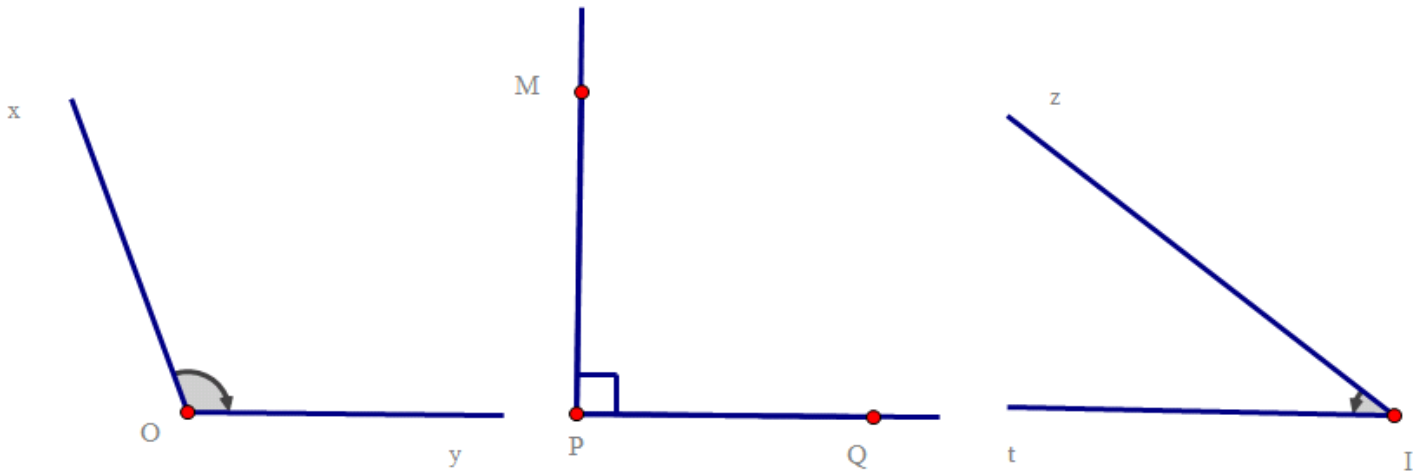
a) Hình nào chỉ trục đối xứng?

b) Hình nào chỉ tâm đối xứng?

**Bài 5: (1 điểm)** Anh Nam làm việc với mức lương cơ bản là 200 000 ngàn đồng/ngày (công ty quy định một ngày làm 8 giờ). Nếu một tháng anh làm việc 26 ngày và tăng ca thêm 3 giờ/ngày trong 10 ngày thì anh nhận được bao nhiêu tiền lương? Biết rằng tiền lương một giờ tăng ca bằng 150% tiền lương một giờ cơ bản.

**Bài 6: (1 điểm)**

a/ Hãy cho biết góc nhọn, góc tù, góc vuông, góc bẹt?



b/ Vẽ  $I$  là trung điểm của đoạn thẳng  $AM = 8\text{cm}$ . Tính độ dài đoạn thẳng  $AI$ .

-Hết-

## ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Năm học 2023-2024

Số câu	Đáp án	Điểm
<b>Bài 1:</b> <b>(2,25 điểm)</b>	$a/ \frac{12}{13} + \frac{-23}{24} + \frac{-12}{13} + \frac{23}{24} + 2024$ $= \frac{12}{13} + \frac{-12}{13} + \frac{-23}{24} + \frac{23}{24} + 2024$ $= 2024$	<p><b>0,5đ</b></p> <p><b>0,5đ</b></p>
	$b/ 0,125 \cdot \frac{4}{7} - 0,4$ $= \frac{1}{8} \cdot \frac{4}{7} - \frac{2}{5}$ $= \frac{1}{14} - \frac{2}{5}$ $= \frac{-23}{70}$	<p><b>0,25đ</b></p> <p><b>0,25đ</b></p> <p><b>0,25đ</b></p>
	$c/ \frac{-7}{8} \cdot \frac{2}{5} + \frac{-7}{8} \cdot \frac{3}{5}$ $= \frac{-7}{8} \cdot \left( \frac{2}{5} + \frac{3}{5} \right)$ $= \frac{-7}{8} \cdot 1 = \frac{-7}{8}$	<p><b>0,25đ</b></p> <p><b>0,25đ</b></p>
<b>Bài 2: Tìm x</b> <b>(2,25 điểm)</b>	$a/ x + \frac{3}{8} = \frac{2}{3}$ $x = \frac{2}{3} - \frac{3}{8}$ $x = \frac{7}{24}$	<p><b>0,5đ</b></p> <p><b>0,5đ</b></p>
	$b/ 0,25x - \frac{1}{2} = 1\frac{1}{2}$ $\frac{1}{4}x = \frac{3}{2} + \frac{1}{2}$ $\frac{1}{4}x = 2$ $x = 2 : \frac{1}{4}$ $x = 8$	<p><b>0,25đ</b></p> <p><b>0,25đ</b></p> <p><b>0,25đ</b></p>
	$c/ \frac{1}{2} - 3 \cdot \left( x - \frac{2}{5} \right) = 25\%$ $3 \cdot \left( x - \frac{2}{5} \right) = \frac{1}{2} - \frac{1}{4}$ $3 \cdot \left( x - \frac{2}{5} \right) = \frac{1}{4}$	

	$\left(x - \frac{2}{5}\right) = \frac{1}{4} : 3$ $\left(x - \frac{2}{5}\right) = \frac{1}{12}$ $x = \frac{1}{12} + \frac{2}{5}$ $x = \frac{29}{60}$	<b>0,25đ</b>          <b>0,25đ</b>
<b>Bài 3:</b> <b>(2,5 điểm)</b>	a/ Số học sinh giỏi là: 45. $\frac{1}{5} = 9$ (học sinh) Số học sinh còn lại là : 45 – 9 = 36 (học sinh) Số học sinh khá là : 36. $\frac{2}{3} = 24$ (học sinh) Số học sinh đạt là : 45 – 9 – 24 = 12 (học sinh)	<b>0,5đ</b>          <b>0,25đ</b>       <b>0,25đ</b>    <b>0,5đ</b>
	b/ Nếu không kê thuế VAT thì người đó phải trả số tiền là: 2 915 000 : (100% + 10%) = 2 650 000 (đồng)	<b>1 đ</b>
	a) Hình chữ nhật đối xứng 1 hình 1, hình 2 , hình 3	<b>0,5đ</b>
	b) Hình chữ nhật đối xứng 1 hình 2 , hình 3, hình 4	<b>0,5đ</b>
<b>Bài 5:</b> <b>(1 điểm)</b>	Tiền lương một giờ cơ bản là: 200 000 : 8 = 25 000 (đồng) Tiền lương một giờ tăng ca là: 25 000 . 150% = 37 500(đồng) Tiền lương anh Nam là: 200 000.26 + 3.10.37 500 = 6 325 000 (đồng)	          <b>0,5đ</b>       <b>0,5đ</b>
	a/ Trả lời đúng cả 3 gic Nếu trả lời sai 1 gic trừ 0,25đ	<b>0,5đ</b>
<b>Bài 6:</b> <b>(1 điểm)</b>	b/ Vẽ hình đúng Vì I là trung điểm của đoạn thẳng AM nên AI = AM : 2 = 8 : 2 = 4cm	<b>0,25đ</b>       <b>0,25đ</b>

*(Học sinh có thể giải bằng cách khác, nếu hợp lý vẫn được cho điểm)*

UBND HUYỆN CỬ CHI  
TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN

Đề gồm có 02 trang

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II  
NĂM HỌC : 2023– 2024

Môn: TOÁN 6

Thời gian : 90 Phút

(Không kể thời gian phát đề)

**Bài 1. (2,25đ)** Thực hiện phép tính

a)  $\frac{-7}{12} + \frac{5}{18}$

b)  $5\frac{1}{7} \cdot \frac{14}{15} - \frac{9}{10}$

c)  $\left(2,5 - 2\frac{3}{4}\right) : 1\frac{1}{8} - 30\%$

**Bài 2. (2,25đ)** Tìm x, biết

a)  $x + \frac{-4}{5} = \frac{3}{10}$

b)  $-0,7 \cdot x - \frac{17}{20} = \frac{-11}{10}$

c)  $\frac{-15}{17} : x + 2\frac{3}{13} = \frac{-10}{13}$

**Bài 3.**

a) (1,5đ) Bạn Huyền đọc một cuốn sách dày 60 trang trong 3 ngày. Ngày thứ nhất bạn Huyền đọc được  $\frac{1}{3}$  số trang sách đó. Ngày thứ hai đọc được  $\frac{2}{5}$  số trang sách còn lại. Hỏi ngày thứ ba bạn Huyền đọc được bao nhiêu trang sách?

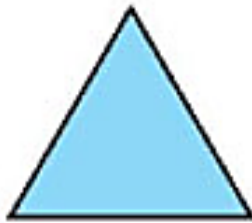
b) (1đ) Gạo là thức ăn chính của người dân Việt Nam. Theo Viện dinh dưỡng Quốc gia, trong 100g gạo tẻ có chứa khoảng 74g chất bột đường; 9,4g chất đạm; 4,74g chất béo và nhiều vị chất khác.

a) Tính tỉ lệ phần trăm khối lượng chất béo có trong 100g gạo.

b) Trong 1,5kg gạo có chứa bao nhiêu gam chất béo?

**Bài 4.**

a) (0,5đ) Hãy cho biết hình nào dưới đây có trục đối xứng:



Tam giác đều



Cánh quạt

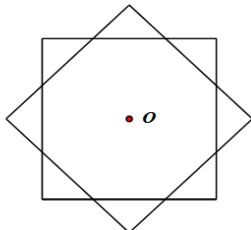


Trái tim

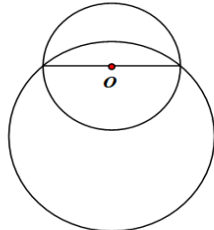


Cánh diều

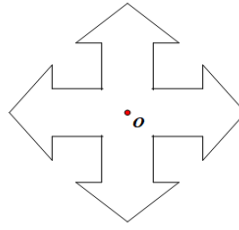
b) (0,5đ) Hãy cho biết hình nào dưới đây, có điểm O là tâm đối xứng của hình



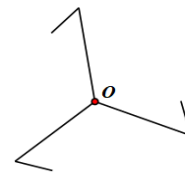
a)



b)



c)

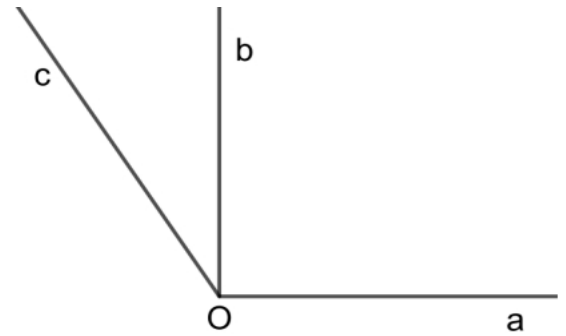


d)

**Bài 5. (1.0đ)** Có hai cửa hàng bán bánh Trung Thu. Ở cửa hàng thứ nhất, nếu khách mua 1 cái sẽ được tặng thêm 3 cái khác. Ở cửa hàng thứ hai, nếu khách mua 1 cái bánh sẽ được giảm 50% giá cái bánh đó, sau đó được tặng thêm 2 cái nữa. Hỏi nếu mua bánh Trung Thu ở cửa hàng nào sẽ tiện lợi hơn? Biết giá gốc mỗi cái bánh ở cả hai cửa hàng đều là 120 000đ.

**Bài 6 (1.0đ)** Cho hình vẽ.

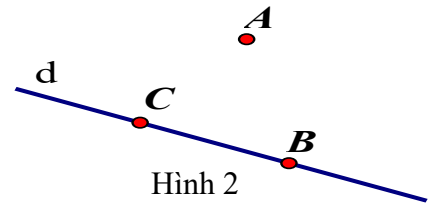
a) Dựa vào hình 1: Hãy cho biết có tất cả bao nhiêu góc?  
Viết kí hiệu các góc đó.



Hình 1

b) Dựa vào hình 2: sử dụng kí hiệu  $\in$  và  $\notin$  điền vào dấu ...

A .....d;    B .....d;    C .....d



Hình 2

-----HẾT-----

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II (THAM KHẢO) NĂM HỌC 2023-2024**

<b>Bài</b>	<b>Đáp án</b>	<b>Điểm</b>
1a	$\frac{-7}{12} + \frac{5}{18} = \frac{-7.3}{12.3} + \frac{5.2}{18.2} = \frac{-21}{36} + \frac{10}{36} = \frac{-11}{36}$	1đ
1b	$5 \frac{1}{7} \cdot \frac{14}{15} - \frac{9}{10} = \frac{36}{7} \cdot \frac{14}{15} - \frac{9}{10} = \frac{24}{5} - \frac{9}{10}$ $= \frac{24.2}{5.2} - \frac{9}{10} = \frac{48}{10} - \frac{9}{10} = \frac{39}{10}$	0,75đ
1c	$\left(2,5 - 2\frac{3}{4}\right) : 1\frac{1}{8} - 30\%$ $= \left(\frac{5}{2} - \frac{11}{4}\right) : \frac{9}{8} - \frac{3}{10} = \left(\frac{10}{4} - \frac{11}{4}\right) \cdot \frac{8}{9} - \frac{3}{10}$ $= \frac{-1}{4} \cdot \frac{8}{9} - \frac{3}{10} = \frac{-2}{9} - \frac{3}{10} = \frac{-20}{90} - \frac{27}{90} = \frac{-47}{90}$	0,5đ
2a	$x + \frac{-4}{5} = \frac{3}{10}$ $x = \frac{3}{10} - \frac{-4}{5}$ $x = \frac{11}{10}$	1đ
2b	$-0,7x - \frac{17}{20} = \frac{-11}{10}$ $-\frac{7}{10} \cdot x = \frac{-11}{10} + \frac{17}{20}$ $-\frac{7}{10} \cdot x = \frac{-1}{4}$ $x = \frac{-1}{4} : \left(-\frac{7}{10}\right)$ $x = \frac{5}{14}$	0,75đ



<b>2c</b>	$\frac{-15}{17} : x + 2\frac{3}{13} = \frac{-10}{13}$ $\frac{-15}{17} : x = \frac{-10}{13} - \frac{29}{13}$ $\frac{-15}{17} : x = -3$ $x = \frac{-15}{17} : (-3)$ $x = \frac{5}{17}$	0,5đ
<b>3a</b>	Số trang sách ngày thứ nhất Huyền đọc được là $60 \cdot \frac{1}{3} = 20$ (trang) Số trang sách ngày thứ hai Huyền đọc được là $\frac{2}{5} \cdot (60 - 20) = 16$ (trang) Số trang sách ngày thứ ba Huyền đọc được là $60 - 20 - 16 = 24$ (trang)	1,5đ
<b>3b</b>	a/ Trong 100g gạo chất béo chiếm tỉ lệ: 4,74 % b/ Khối lượng chất béo có trong 1,5kg gạo : $(1500 \cdot 4,74) : 100 = 71,1$ gam Vậy: trong 1,5kg gạo có chứa 71,1 gam chất béo	1đ
<b>4a</b>	Hình có trục đối xứng là Tam giác đều, cánh quạt, trái tim, cánh diều.	0,5đ
<b>4b</b>	Hình nhận điểm O làm tâm đối xứng là a), b)	0,5đ
<b>5</b>	Số tiền khách mua 1 cái bánh ở cửa hàng thứ hai khi được giảm giá 50% là $120\,000 \cdot (100 - 50)\% = 60\,000$ đ Ở cửa hàng thứ nhất: mua 1 tặng 3 cái tổng 4 cái. Giá của 1 cái bánh khi mua ở cửa hàng thứ nhất là $120\,000 : 4 = 30\,000$ (đồng) Ở cửa hàng thứ 2: mua 1 giảm 50% (60 000đ) và tặng 2 cái tổng 3 cái Giá của 1 cái bánh khi mua ở cửa hàng thứ hai là $60\,000 : 3 = 20\,000$ (đồng). Vậy mua ở cửa hàng thứ hai sẽ tiện lợi hơn.	1đ
<b>6a</b>	Có tất cả 3 góc. $\widehat{cOb}; \widehat{bOa}; \widehat{cOa}$ .	0,5đ
<b>6b</b>	$A \notin d; B \in d; C \in d$ .	0,5đ

\* Mọi cách giải khác học sinh làm đúng vẫn được trọn số điểm.

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

S T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thôn g hiều	Vậ n dun g	Vận dun g cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được số đối của một phân số.</p> <p><b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai số thập phân cho trước.</p> <p><b>Vận dụng:</b> – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý).</p>	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75 đ)	Bài 1c (0,5 đ)	
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.	<p><b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai phân số cho trước.</p> <p><b>Vận dụng:</b> – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</p> <p><b>Vận dụng cao:</b> – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</p>	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75 đ)	Bài 2c (0,5 đ)	Bài 5 (1đ)
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</p>	Bài 4 (1đ)			
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt). – Nhận biết được khái niệm số đo góc.</p>	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	

Thời gian làm bài: 90 phút  
(Không kể thời gian phát đề)

**Bài 1 (2,25 điểm)** Thực hiện phép tính

a/  $\frac{4}{5} \cdot \frac{3}{2} - \frac{1}{5}$

b/  $1,5 \cdot \left(\frac{4}{5} - 1\frac{2}{3}\right) - 20\%$

c/  $1,5 \cdot \frac{9}{13} + 8,5 \cdot \frac{9}{13}$

**Bài 2 (2,25 điểm)**

a/ Tìm số đối của các số  $\frac{3}{5}$  và  $-\frac{5}{12}$

b/ So sánh hai phân số  $-\frac{2}{5}$  và  $-\frac{3}{4}$

c/ Tìm x, biết  $\frac{5}{6}x + \frac{3}{2} = \frac{1}{4}$

**Bài 3 (2,5 điểm)**

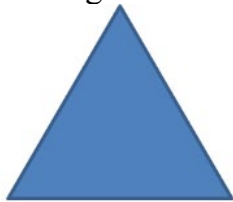
Bạn Hà có 40 bông hoa, trong đó số bông hoa hồng chiếm  $\frac{3}{5}$  số bông hoa, số bông hoa huệ chiếm  $\frac{1}{4}$  số bông hoa hồng. Còn lại là hoa cúc vàng.

a/ Hỏi bạn Hà có bao nhiêu bông hoa mỗi loại ?

b/ Hỏi số bông hoa cúc vàng chiếm bao nhiêu phần trăm số bông hoa của bạn Hà có ?

**Bài 4: (1 điểm)**

Trong các hình vẽ dưới đây, hình nào có trục đối xứng



Tam giác đều



Ngôi sao năm cánh



Hình bình hành



Chiếc lá



Chữ N in hoa

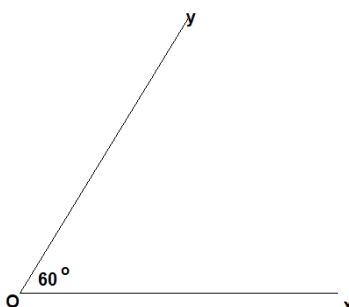
**Bài 5 (1 điểm)**

Nhân dịp khai trương, một cửa hàng thời trang giảm giá 10% so với giá niêm yết cho các sản phẩm áo và 15% cho các sản phẩm quần. Bạn Lan đến cửa hàng đó mua một cái áo thun và một quần jean. Khi thanh toán bạn Lan đưa cho cô thu ngân 525 000 đồng. Tính giá niêm yết của chiếc quần jean.

**Bài 6 (1 điểm)**

a/ Cho đoạn thẳng  $AB = 8\text{cm}$ . Vẽ điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB ?

b/ Em hãy viết kí hiệu của góc được cho ở hình vẽ bên và cho biết góc đó là góc nhọn, góc vuông hay góc tù ?



## ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II – TOÁN 6

### Bài 1(2,25 điểm) Thực hiện phép tính

$$\begin{aligned} \text{a/ } & \frac{4}{5} \cdot \frac{3}{2} - \frac{1}{5} \\ & = \frac{6}{5} - \frac{1}{5} = 1 \end{aligned} \quad 0,5 + 0,5 \text{ điểm}$$

$$\begin{aligned} \text{b/ } & 1,5 \cdot \left( \frac{4}{5} - 1\frac{2}{3} \right) - 20\% \\ & = \frac{3}{2} \cdot \left( \frac{4}{5} - \frac{4}{3} \right) - \frac{1}{5} \end{aligned} \quad 0,25 \text{ điểm}$$

$$= \frac{3}{2} \cdot \frac{-8}{15} - \frac{1}{5} \quad 0,25 \text{ điểm}$$

$$= \frac{18}{15} + \frac{20}{15} = \frac{38}{15} \quad 0,25 \text{ điểm}$$

$$\begin{aligned} \text{c/ } & 4,5 \cdot \frac{9}{13} + 8,5 \cdot \frac{9}{13} \\ & = \frac{9}{13} \cdot (4,5 + 8,5) \end{aligned} \quad 0,25 \text{ điểm}$$

$$\begin{aligned} & = \frac{9}{13} \cdot 13 \\ & = 9 \end{aligned} \quad 0,25 \text{ điểm}$$

### Bài 2 (2,25 điểm)

a/ Tìm số đối của các số  $\frac{3}{5}$  và  $\frac{-5}{12}$

$$\text{Số đối của } \frac{3}{5} \text{ là } \frac{-3}{5} \quad 0,5 \text{ điểm}$$

$$\text{Số đối của } \frac{-5}{12} \text{ là } \frac{5}{12} \quad 0,5 \text{ điểm}$$

b/ So sánh hai phân số  $\frac{-2}{5}$  và  $\frac{-3}{4}$

$$\text{Ta có } \frac{-2}{5} = \frac{-8}{20}, \frac{-3}{4} = \frac{-15}{20} \quad 0,5 \text{ điểm}$$

$$\text{Vì } \frac{-8}{20} > \frac{-15}{20} \text{ nên } \frac{-2}{5} > \frac{-3}{4} \quad 0,25 \text{ điểm}$$

$$\text{c/ } \frac{5}{6}x + \frac{3}{2} = \frac{1}{4}$$

$$\frac{5}{6}x = \frac{1}{4} - \frac{3}{2}$$

$$\frac{5}{6}x = \frac{-5}{4} \quad 0,25 \text{ điểm}$$

$$x = \frac{-5}{4} : \frac{5}{6}$$

$$x = \frac{-3}{2} \quad 0,25 \text{ điểm}$$

### Bài 3(2,5 điểm)

a/ Số bông hoa hồng là  $40 \cdot \frac{3}{5} = 24$  (bông hoa) 0,5 điểm

Số bông hoa hồng là  $24 \cdot \frac{1}{4} = 6$  (bông hoa) 0,5 điểm

Số bông hoa cúc vàng là  $40 - 24 - 6 = 10$  (bông hoa) 0,5 điểm

b/ Số bông hoa cúc vàng chiếm số phần trăm số bông hoa của bạn Hà có là:

$$10 : 40 = 0,25 = 25\% \quad 1 \text{ điểm}$$

**Bài 4 (1 điểm)**

\* Hình có trục đối xứng là : Tam giác đều , ngôi sao năm cánh 0,25 + 0,25 điểm

\* Hình có tâm đối xứng là : Hình bình hành , chữ N in hoa 0,25 + 0,25 điểm

**Bài 5 (1 điểm)**

Số tiền mua một cái áo thun sau khi giảm giá là

$$300\,000 \cdot (100\% - 10\%) = 270\,000 \text{ đồng} \quad 0,5 \text{ điểm}$$

Số tiền mua một cái quần sau khi giảm giá là

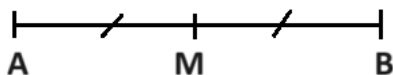
$$(525\,000 - 270\,000) = 255\,000 \text{ đồng} \quad 0,25 \text{ điểm}$$

Giá niêm yết của chiếc quần jean là

$$255\,000 : (100\% - 15\%) = 300\,000 \text{ đồng} \quad 0,25 \text{ điểm}$$

**Bài 6 (1 điểm)**

a/ Vẽ đúng, có kí hiệu 0,5 điểm



b/ góc xÔy là góc nhọn 0,25 + 0,25 điểm

## A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		22,5
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		22,5
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				10
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				10
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

## B. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được số đối của một phân số.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)	
			<b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai số thập phân cho trước.				
		<b>Vận dụng:</b> – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		
	Giá trị phân số của một số.	<b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai phân số cho trước.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	
		<b>Vận dụng:</b>					

		Tỉ số và tỉ số phần trăm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.</li> <li>– Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.</li> <li>– Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.</li> <li>– Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.</li> <li>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</li> </ul>				
2	<b>Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên</b>	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng.</li> <li>– Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</li> </ul>	Bài 4 (1đ)			
3	<b>Các hình hình học cơ bản</b>	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.</li> <li>– Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).</li> <li>– Nhận biết được khái niệm số đo góc.</li> </ul>	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	



## C. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI  
TRƯỜNG THCS TÂN THẠNH ĐÔNG  
(Đề gồm có 02 trang)

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2  
NĂM HỌC 2023 – 2024  
Môn: TOÁN 6  
Thời gian: 90 phút  
(không kể thời gian giao đề)

**Câu 1 (2,25 điểm).** Thực hiện phép tính:

a)  $\frac{-3}{8} - \frac{5}{8}$

b)  $\frac{5}{6} + \frac{7}{-8}$

c)  $7\frac{1}{2} \cdot \frac{9}{11} - \frac{15}{2} \cdot \frac{20}{11}$

**Câu 2 (2,25 điểm).** Tìm  $x$ , biết:

a)  $x + \frac{5}{12} = \frac{5}{7}$

b)  $\frac{3}{5}x - \frac{1}{3} = \frac{1}{4}$

c)  $\left(\frac{3}{15} - x\right) \cdot \frac{1}{3} = 40\%$

**Câu 3 (2,5 điểm).**

a) Một bao gạo 50kg, lần thứ nhất người ta lấy đi 30% số gạo, lần thứ 2 người ta tiếp tục lấy  $\frac{3}{5}$

số gạo còn lại. Hỏi trong bao còn lại bao nhiêu kilôgam gạo?

b) Hết học kỳ I, điểm môn Toán của bạn Cúc như sau:

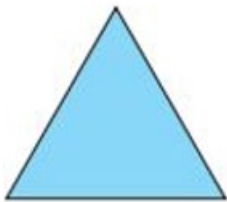
Hệ số 1: 7; 8; 6; 10.

Hệ số 2: 9

Hệ số 3: 8

Em hãy tính điểm trung bình môn Toán học kỳ I của bạn Cúc (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất).

**Câu 4 (1 điểm).** Cho hình sau:



Tam giác đều



Cánh quạt



Trái tim



Chiếc lá

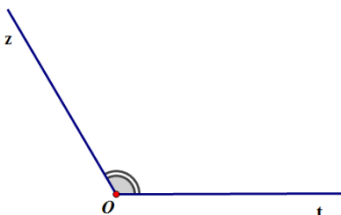
Quan sát các hình trên xác định hình nào có trục đối xứng, hình nào có tâm xứng?

**Câu 5 (1 điểm).** Ba của bạn An gửi ngân hàng 270 000 000 đồng có kì hạn 12 tháng với lãi suất là 7% một năm. Hỏi sau một năm, ba của bạn An nhận cả gốc và lãi được bao nhiêu tiền?

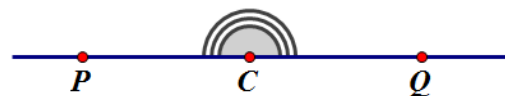
**Câu 6 (1 điểm).**

a) Cho đoạn thẳng AB dài 8cm. Hãy vẽ trung điểm I của đoạn thẳng AB.

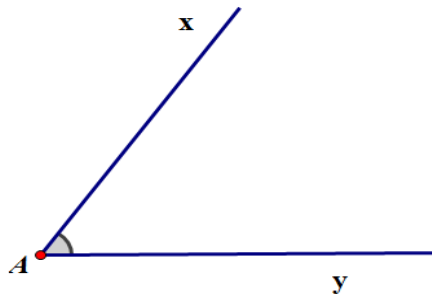
b) Cho hình sau:



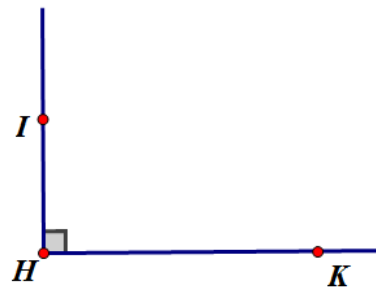
Hình 1



Hình 2



Hình 3



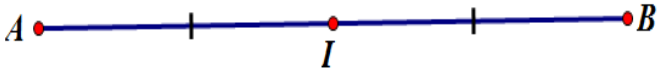
Hình 4

Hãy đọc tên góc có trong mỗi hình, sử dụng thước đo độ kiểm tra và chỉ ra đó là loại góc gì?

---o0o---

HẾT



	$x = -1$	
<b>Câu 3a (1,5đ)</b>	a) Số kilôgam gạo lần thứ nhất lấy là: $50 \cdot 30\% = 15$ (kg)	0,5 đ
	Số kilôgam gạo lần thứ hai lấy là: $(50 - 15) \cdot \frac{3}{5} = 21$ (kg)	0,5 đ
	Số kilôgam gạo trong bao còn lại là: $50 - (15 + 21) = 14$ (kg) Vậy trong bao còn lại 14 kg gạo.	0,5 đ
<b>Câu 3b (1đ)</b>	b) Điểm trung bình môn Toán học kì I của bạn Cúc là: $(7 + 8 + 6 + 10 + 9 \cdot 2 + 8 \cdot 3) : 9 = \frac{73}{9} \approx 8,1$ (điểm)	0,75đ
	Vậy điểm trung bình môn Toán HKI của bạn Cúc gần bằng 8,1 điểm.	0,25đ
<b>Câu 4 (1đ)</b>	Hình có trục đối xứng là: Tam giác đều, cánh quạt, trái tim.	0,75đ
	Hình có tâm đối xứng là: Cánh quạt.	0,25đ
<b>Câu 5 (1đ)</b>	Số tiền lãi sau một năm là: $270\ 000\ 000 \cdot 7\% = 18\ 900\ 000$ (đồng).	0,5đ
	Số tiền cả gốc lẫn và lãi sau một năm là: $270\ 000\ 000 + 18\ 900\ 000 = 288\ 900\ 000$ (đồng).	0,5đ
	Vậy sau một năm, ba của bạn An nhận cả gốc và lãi là 288 900 000 đồng	
<b>Câu 6 (1đ)</b>	a/Vẽ đúng 	0,5đ
	(Không đánh dấu trên hình – 0,25đ) b/ $\widehat{zOt}$ là góc tù; $\widehat{PCQ}$ là góc bẹt; $\widehat{xAy}$ là góc nhọn; $\widehat{IHK}$ là góc vuông. ( đúng 2 góc được 0,25đ) và ( đúng 4 góc được 0,5đ)	0,5đ

**Chú ý:** - Học sinh làm sử dụng kiến thức khác đã được học trong chương trình làm đúng vẫn cho điểm tối đa.

---o0o---

HẾT

**ĐỀ:**

**Bài 1 (2,25 điểm) Thực hiện phép tính:**

a)  $\frac{3}{5} + \frac{-4}{5} \cdot \frac{10}{11}$

b)  $\frac{2}{3} \cdot \frac{-6}{7} + \frac{1}{3} \cdot \frac{-6}{7}$

c)  $\frac{1}{8} : \left( \frac{3}{4} - 0,25 \right) + 20\%$

**Bài 2 (2,25 điểm) Tìm x, biết:**

a)  $x + \frac{4}{5} = 2\frac{1}{3}$

b)  $\frac{3}{5}x + \frac{4}{5} = \frac{7}{10}$

c)  $\frac{1}{8} + \left( \frac{3}{4} - x \right) = \frac{5}{12}$

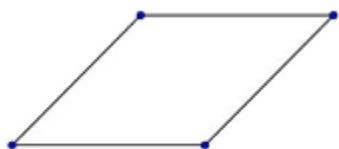
**Bài 3 (2,5 điểm):**

a) Một cửa hàng nhập về 45 kg bột nếp. Cửa hàng đã bán hết  $\frac{5}{9}$  số bột nếp đó.

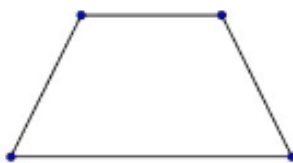
Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam bột nếp?

b) Trong đợt phát động phong trào thực hiện công trình "Nuôi heo đất" để giúp đỡ các bạn Đội viên có hoàn cảnh khó khăn, học sinh ba lớp 6A1, 6A2, 6A3 của trường THCS Tân Tiến đã quyên góp được 600 000 đồng. Trong đó lớp 6A1 quyên góp  $\frac{1}{3}$  số tiền của cả ba lớp. Lớp 6A2 quyên góp bằng  $\frac{4}{5}$  số tiền của lớp 6A1. Còn lại là số tiền quyên góp của 6A3. Tìm số tiền quyên góp được của mỗi lớp?

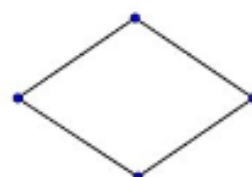
**Bài 4 (1 điểm) Quan sát các hình vẽ sau và cho biết:**



Hình 1



Hình 2



Hình 3

a) Hình nào có trục đối xứng?

b) Hình nào có tâm đối xứng?

**Bài 5 (1 điểm) Bạn An đọc cuốn truyện tranh trong 2 ngày, biết ngày thứ nhất đọc  $\frac{1}{3}$  số trang của cuốn truyện, ngày thứ hai đọc nốt 120 trang còn lại. Hỏi cuốn truyện tranh đó có bao nhiêu trang?**

**Bài 6 (1 điểm) Cho đoạn thẳng MN = 8 cm, vẽ điểm I là trung điểm của đoạn thẳng MN. Tính độ dài các đoạn thẳng IM và IN.**

.....**HẾT** .....

**ĐÁP ÁN:**

Câu		Số điểm
1	<p>a) <math>\frac{3}{5} + \frac{-4}{5} \cdot \frac{10}{11} = \frac{3}{5} + \frac{-8}{11} = \frac{-7}{55}</math></p> <p>b) <math>\frac{2}{3} \cdot \frac{-6}{7} + \frac{1}{3} \cdot \frac{-6}{7} = 1 \cdot \frac{-6}{7} = \frac{-6}{7}</math></p> <p>c) <math>\frac{1}{8} : \left( \frac{3}{4} - 0,25 \right) + 20\% = \quad =</math> <math>\frac{1}{8} : \frac{1}{2} + 20\% = \frac{9}{20}</math></p>	<p><b>(1 điểm)</b></p> <p><b>(0,75điểm)</b></p> <p><b>(0,5điểm)</b></p>
2	<p>a) <math>x + \frac{4}{5} = 2\frac{1}{3}</math> <math>x = \frac{7}{3} - \frac{4}{5}</math> <math>x = \frac{23}{15}</math></p> <p>b) <math>\frac{3}{5}x + \frac{4}{5} = \frac{7}{10}</math> <math>\frac{3}{5}x = \frac{7}{10} - \frac{4}{5}</math> <math>x = \frac{-1}{10} : \frac{3}{5}</math> <math>x = \frac{-1}{6}</math></p> <p>c) <math>\frac{1}{8} + \left( \frac{3}{4} - x \right) = \frac{5}{12}</math> <math>\left( \frac{3}{4} - x \right) = \frac{5}{12} - \frac{1}{8}</math></p>	<p><b>(1 điểm)</b></p> <p><b>(0,75điểm)</b></p> <p><b>(0,5điểm)</b></p>

	$x = \frac{3}{4} - \frac{7}{24}$ $x = \frac{11}{24}$	
3	<p>a. Số ki-lô-gam bột nếp của hàng còn lại là: <math>45 - \frac{5}{9} \cdot 45 = 20</math> (kg)</p> <p>b. Số tiền quyên góp được của lớp 6A1 là: <math>\frac{1}{3} \cdot 600\ 000 = 200\ 000</math> (đồng) (0,5 điểm)</p> <p>Số tiền quyên góp được của lớp 6A2 là: <math>\frac{4}{5} \cdot 200\ 000 = 160\ 000</math> (đồng)</p> <p>Số tiền quyên góp được của lớp 6A3 là:  <math>600\ 000 - 360\ 000 = 240\ 000</math> (đồng)</p>	<p><b>(1,5 điểm)</b></p> <p><b>(0,5 điểm)</b></p> <p><b>(0,5 điểm)</b></p>
4	<p>a) Hình 2 và 3 có trục đối xứng</p> <p>b) Hình 1 và 3 có tâm đối xứng?</p>	<p><b>(0,5 điểm)</b></p> <p><b>(0,5 điểm)</b></p>
5	<p>Số trang của cuốn truyện là:</p> <p><b>120:</b> <math>\left(1 - \frac{1}{3}\right) = 180</math> (trang)</p>	<p><b>(1 điểm)</b></p>





**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được số đối của một phân số.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai số thập phân cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân.</li> <li>Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý).</li> </ul>	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)	
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.	<p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai phân số cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.</li> <li>Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.</li> <li>Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.</li> <li>Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.</li> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</li> </ul>	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng.</li> <li>Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</li> </ul>	Bài 4 (1đ)			
3	Các hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.</li> <li>Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).</li> <li>Nhận biết được khái niệm số đo góc.</li> </ul>	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	

**Bài 1:** (2,25 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu được):

a)  $\frac{7}{12} - \frac{-5}{12}$

b)  $\frac{2}{3} \cdot \left(1\frac{1}{5} + \frac{3}{4}\right)$

c)  $\frac{5}{8} \cdot \frac{12}{5} - \frac{7}{5} \cdot \frac{5}{8}$

**Bài 2:** (2,25 điểm) Tìm x, biết:

a)  $x - \frac{2}{3} = \frac{1}{2}$

b)  $\frac{2}{9} - \frac{7}{8}x = \frac{1}{3}$

c)  $\frac{x}{45} = \frac{-6}{15}$

**Bài 3:**

a) (1,5 điểm) Xếp loại học lực cuối năm của một lớp học có 45 học sinh gồm có 3 loại: Tốt, Khá và Đạt. Số học sinh loại Đạt chiếm  $\frac{7}{15}$  số học sinh của cả lớp. Số học sinh loại Khá bằng  $\frac{5}{8}$  số học sinh còn lại. Tính số học sinh đạt loại Tốt của lớp đó.

b) (1 điểm) Cửa hàng Pizza ABC đang có chương trình khuyến mãi nhân dịp khai trương với hoá đơn trên 350 000 đồng sẽ được giảm 20% trên tổng bill mua hàng. Bạn Lan đã gọi phần pizza 345 000 đồng và phần nước ngọt 35 000 đồng. Vậy bạn Lan phải trả số tiền bao nhiêu sau khi đã giảm giá?

**Bài 4:** (1 điểm) Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng.



a)



b)



c)



d)



e)



g)

**Bài 5:** (1 điểm) Một người đăng kí mua một căn hộ và trả tiền thành 3 đợt. Đợt đầu tiên, ngay khi kí hợp đồng mua bán, người đó phải trả  $\frac{1}{3}$  số tiền mua căn hộ. Sáu tháng sau, người đó trả tiếp  $\frac{1}{4}$  số tiền mua căn hộ. Đợt cuối, sau 1 năm kể từ khi kí hợp đồng, sẽ trả hết số tiền còn lại là 80000000 đồng và nhận căn hộ. Hỏi số tiền để mua căn hộ là bao nhiêu?

**Bài 6:** (1 điểm) Vẽ đoạn thẳng AB dài 10cm. Lấy điểm C nằm giữa hai điểm A và B sao cho AC = 5cm. Tính độ dài đoạn thẳng CB.

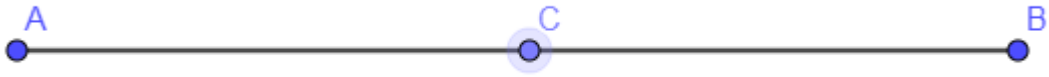
----HẾT----

## HƯỚNG DẪN CHẤM

BÀI	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
<b>Bài 1:</b> (2,25 điểm)	a) $\frac{7}{12} - \frac{-5}{12}$ $= \frac{7}{12} + \frac{5}{12}$ $= \frac{12}{12}$ $= 1$	0,25đ 0,5đ 0,25đ
	b) $\frac{2}{3} \cdot \left(1\frac{1}{5} + \frac{3}{4}\right)$ $= \frac{2}{3} \left(\frac{6}{5} + \frac{3}{4}\right)$ $= \frac{2}{3} \left(\frac{24}{20} + \frac{15}{20}\right)$ $= \frac{2}{3} \cdot \frac{39}{20}$ $= \frac{13}{10}$	0,25đ 0,25đ 0,25đ
	c) $\frac{5}{8} \cdot \frac{12}{5} - \frac{7}{5} \cdot \frac{5}{8}$ $= \frac{5}{8} \left(\frac{12}{5} - \frac{7}{5}\right)$ $= \frac{5}{8} \cdot 1$ $= \frac{5}{8}$	0,25đ 0,25đ
<b>Bài 2:</b> (2,25 điểm)	a) $x - \frac{2}{3} = \frac{1}{2}$ $x = \frac{1}{2} + \frac{2}{3}$ $x = \frac{3}{6} + \frac{4}{6}$ $x = \frac{7}{6}$	0,5đ 0,25đ 0,25đ

	$b) \frac{2}{9} - \frac{7}{8}x = \frac{1}{3}$ $\frac{7}{8}x = \frac{2}{9} - \frac{1}{3}$ $\frac{7}{8}x = \frac{2}{9} - \frac{3}{9}$ $\frac{7}{8}x = -\frac{1}{9}$ $x = \frac{-1}{9} : \frac{7}{8}$ $x = \frac{-8}{63}$	0,25đ
	$c) \frac{x}{45} = \frac{-6}{15}$ $x \cdot 15 = -6 \cdot 45$ $x = -270 : 15$ $x = -18$	0,25đ
		0,25đ
		0,25đ
<b>Bài 3:</b> (2,5 điểm)	<p>Số học sinh loại Đạt là:</p> $45 \cdot \frac{7}{15} = 21 \text{ (học sinh)}$ <p>Số học sinh loại Khá là:</p> $(45 - 21) \cdot \frac{5}{8} = 15 \text{ (học sinh)}$ <p>Số học sinh loại Tốt là:</p> $45 - 21 - 15 = 9 \text{ (học sinh)}$	0,5đx3
	<p>Tổng hóa đơn của Lan là:</p> $345\ 000 + 35\ 000 = 380\ 000 \text{ (đồng)}$ <p>Vì hóa đơn trên 350 000 đồng được giảm 20% nên Hoa phải trả số tiền sau khi giảm giá là:</p> $380\ 000 \cdot 80\% = 304\ 000 \text{ (đồng)}$	0,25đ
		0,25đ
		0,5đ
<b>Bài 4:</b> (1 điểm)	Các hình có trục đối xứng là: a, c, d, e	0,25đx4
<b>Bài 5:</b> (1 điểm)	<p>Phần số chỉ số tiền phải trả trong đợt cuối là:</p> $1 - \frac{1}{3} - \frac{1}{4} = \frac{5}{12} \text{ (số tiền)}$ <p>Số tiền để mua căn hộ là:</p> $800\ 000\ 000 : \frac{5}{12} = 1\ 920\ 000\ 000 \text{ (đồng)}$	0,5đx2

**Bài 6:**  
(1 điểm)



Vì C nằm giữa A và B nên:

$$AC + BC = AB$$

$$BC = 10 - 5 = 5 \text{ cm}$$

Vẽ hình  
đúng  
0,5đ

0,25đ  
0,25đ

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>

Tỉ lệ chung	70%	30%	100%
-------------	-----	-----	------

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số  Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được số đối của một phân số.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai số thập phân cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân.</li> <li>Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</li> </ul>	<p>Bài 1a (1đ)</p>	<p>Bài 1b (0,75đ)</p>	<p>Bài 1c (0,5đ)</p>	
			<p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>So sánh được hai phân số cho trước.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.</li> <li>Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.</li> <li>Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.</li> <li>Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.</li> </ul>		<p>Bài 3a (1,5đ)</p>	<p>Bài 3b (1đ)</p>	<p>Bài 5 (1đ)</p>



			<p>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <p>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</p>				
2	<b>Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên</b>	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <p>– Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng.</p> <p>– Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</p>	Bài 4 (1đ)			
3	<b>Các hình học cơ bản</b>	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	<p><b>Nhận biết:</b></p> <p>– Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.</p> <p>– Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).</p> <p>– Nhận biết được khái niệm số đo góc.</p>	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	

**ĐỀ THAM KHẢO**

**Câu 1 (2,25 điểm):**

- a) Tìm số đối của các số :  $-2\frac{1}{2}$ ; 0,5; 0;  $\frac{-4}{5}$ ;  
b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần:  
-2,4; -12,13; 0,5; -2,3; 2,4  
c) Tìm x, biết:  $\frac{4}{3} \cdot (x - \frac{3}{8}) = -2\frac{1}{2}$

**Câu 2 (2,25 điểm):** Thực hiện phép tính

a)  $\frac{3}{4} + \frac{2}{5}$

b)  $\frac{1}{8} \cdot \frac{4}{5} - \frac{9}{8} \cdot \frac{4}{5}$

c)  $(-1,6) : \left(1\frac{1}{2} - \frac{3}{10}\right) + 75\%$

**Câu 3: (2,5 điểm)** Một cửa hàng bán hết 200 kg táo trong ba ngày và giá bán niêm yết một ki-lô-gam táo là 20 000 đồng. Ngày thứ nhất, cửa hàng bán được  $\frac{2}{5}$  số táo đó. Ngày thứ hai, cửa hàng bán được  $\frac{3}{4}$  số táo còn lại.

- a) Tính khối lượng táo cửa hàng bán được trong hai ngày đầu.  
b) Ngày thứ ba, cửa hàng quyết định giảm giá 20% so với giá niêm yết nên bán hết số táo còn lại. Tính số tiền cửa hàng thu được khi bán hết 200 kg táo.

**Câu 4: (1 điểm)** Trong các hình sau đây, hình nào có trục đối xứng?



Hình a: Biển cấm đỗ xe



Hình b: Biển báo đường hai chiều



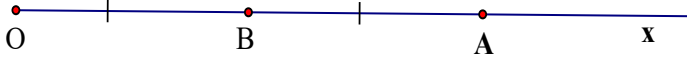
Hình c: Biển cấm đi ngược chiều

**Câu 5. (1 điểm)** Trên tia Ox vẽ hai điểm A và B sao cho  $OA = 6$  cm và B là trung điểm của OA. Tính độ dài đoạn thẳng OB, AB

**Câu 6. (1 điểm)** : Số học sinh giỏi học kỳ I của lớp 6A bằng  $\frac{1}{5}$  số học sinh cả lớp. Cuối năm có thêm 4 học sinh đạt loại giỏi nên số học sinh giỏi bằng  $\frac{3}{10}$  số học sinh cả lớp. Tính số học sinh giỏi học kỳ I của lớp 6A.

-----**HẾT**-----



<p>Câu 2c (0,5 điểm)</p>	$c)(-1,6) : \left(1\frac{1}{2} - \frac{3}{10}\right) + 75\%$ $= \frac{-8}{5} : \left(\frac{3}{2} - \frac{3}{10}\right) + \frac{3}{4}$ $= \frac{-8}{5} : \frac{6}{5} + \frac{3}{4}$ $= \frac{-4}{3} + \frac{3}{4}$ $= \frac{-7}{12}$	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
<p>Câu 3 (1,5 điểm)</p>	<p>a/ Ngày thứ nhất, cửa hàng bán được số ki – lô- gam táo là</p> $200 \cdot \frac{2}{5} = 80 \text{ (kg)}$ <p>Ngày thứ hai, cửa hàng bán được số ki – lô- gam táo là</p> $(200 - 80) \cdot \frac{3}{4} = 90 \text{ (kg)}$ <p>Cả hai ngày, cửa hàng bán được số ki – lô- gam táo là:</p> $80 + 90 = 170 \text{ (kg)}$ <p>b) Ngày thứ ba, cửa hàng bán được số ki – lô- gam táo là</p> $200 - 170 = 30 \text{ (kg)}$ <p>Giá bán 1kg táo ngày thứ ba là.</p> $20\,000 \cdot (100\% - 20\%) = 16\,000 \text{ (đồng)}$ <p>Số tiền cửa hàng thu được khi bán hết 200 kg táo</p> $170 \cdot 20\,000 + 30 \cdot 16\,000 = 3\,880\,000 \text{ (đồng)}$	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p>
<p>Câu 4 (1 điểm)</p>	<p>Hình a và hình c là hình có trục đối xứng</p>	<p>1</p>
<p>Câu 5 (1 điểm)</p>	 <p>Ta có B là trung điểm của OA nên</p> $OB = AB = \frac{OA}{2} = \frac{6}{2} = 3 \text{ (cm)}$	<p>0,5</p> <p>0,5</p>

<p>Câu 6 (1 điểm)</p>	<p>Số học sinh giỏi tăng thêm chiếm phần số học sinh cả lớp là</p> $\frac{3}{10} - \frac{1}{5} = \frac{1}{10}$ <p>Số học sinh cả lớp 6A là</p> $4 : \frac{1}{10} = 40 \text{ (học sinh)}$ <p>Số học sinh giỏi học kỳ I lớp 6A là:</p> $40 \cdot \frac{1}{5} = 8 \text{ (học sinh)}$	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p>
---------------------------	---	------------------------------------

## MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)		2,25
			Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)		2,25
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.		Bài 3a (1,5đ)	Bài 3b (1đ)	Bài 5 (1đ)	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Bài 4 (1đ)				1
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	Bài 6 (1đ)				1
<b>Tổng điểm</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>

## BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số Hỗn số Số thập phân.	Các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân.	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được số đối của một phân số.</p> <p><b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai số thập phân cho trước.</p> <p><b>Vận dụng:</b> – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số, hỗn số, số thập phân. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số, số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</p>	Bài 1a (1đ)	Bài 1b (0,75đ)	Bài 1c (0,5đ)	
		Giá trị phân số của một số. Tỉ số và tỉ số phần trăm.	<p><b>Thông hiểu:</b> – So sánh được hai phân số cho trước.</p> <p><b>Vận dụng:</b> – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (Các bài toán liên quan đến chuyển</p>	Bài 2a (1đ)	Bài 2b (0,75đ)	Bài 2c (0,5đ)	Bài 3a (1,5đ) Bài 3b (1đ) Bài 5 (1đ)



			<p>động trong Vật lí, lãi suất tín dụng, tăng giá, giảm giá).</p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số, số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.</li> </ul>				
2	<b>Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên</b>	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình phẳng.</li> <li>– Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng, tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).</li> </ul>	Bài 4 (1đ)			
3	<b>Các hình hình học cơ bản</b>	Điểm, đường thẳng, tia. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.</li> <li>– Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).</li> <li>– Nhận biết được khái niệm số đo góc.</li> </ul>	Bài 6 (1đ)			
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>				<b>70%</b>		<b>30%</b>	

**Bài 1. (2,25 đ)** Thực hiện phép tính:

a)  $2\frac{1}{2} \cdot \left(\frac{7}{5} + \frac{-3}{10}\right) - 0,4$       b)  $\left(\frac{2}{11} - \frac{3}{5}\right) : \frac{4}{5} + \frac{-1}{2}$

c)  $\left(\frac{1}{3} + \frac{1}{4} - \frac{7}{12}\right) \cdot \left(\frac{1}{2021} + \frac{1}{2022} - \frac{7}{2023}\right)$

**Bài 2. (2,25 đ)** Tìm x, biết:

a)  $x + \frac{1}{15} = \frac{1}{5} - \frac{1}{3}$       b)  $\left(x + \frac{11}{12}\right) : \frac{7}{6} = \frac{9}{14}$

c)  $\frac{7}{6}x + \frac{1}{6}x = \frac{5}{14}$

**Bài 3 (2,5 đ)** Một trường trung học cơ sở có 800 học sinh, trong đó học sinh khối Sáu chiếm  $\frac{3}{8}$  số học sinh toàn trường và số học sinh nữ khối Sáu bằng  $\frac{3}{5}$  số học sinh của khối.

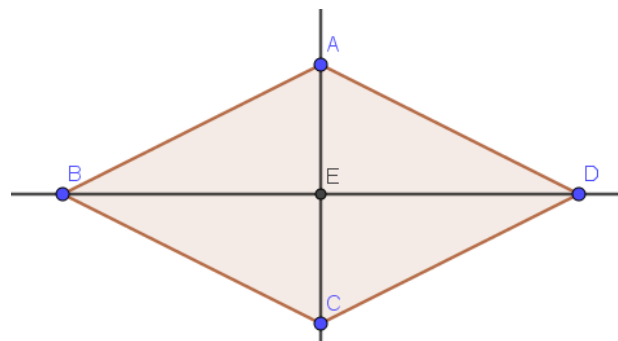
a) Tính số học sinh nữ của khối Sáu.

b) Trường tổ chức cho học sinh khối 6 đi ngoại khóa,  $\frac{2}{3}$  số học sinh đi ngoại khóa là 100 học sinh. Tính số học sinh khối 6 đi tham gia ngoại khóa.

**Bài 4 (1 đ)** Cho hình vẽ như sau :

a) Kể tên các đường thẳng là trục đối xứng của hình bên.

b) Kể tên điểm là tâm đối xứng của hình bên.

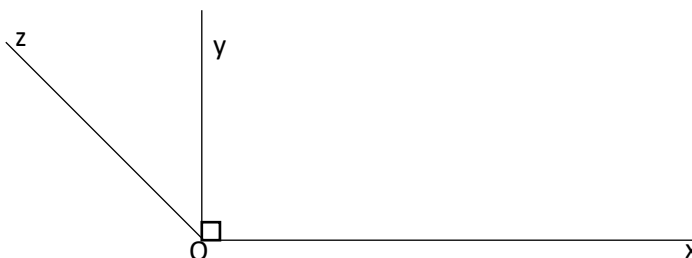


**Bài 5. (1 đ)** Vào ngày “Black Friday” cửa hàng điện tử giảm giá 10% cho các mặt hàng. Bình mua online 1 bộ máy vi tính với giá niêm yết là 15 000 000 đồng vào ngày trên thì phải trả bao nhiêu tiền?

- a) Tính số tiền Bình phải trả sau khi được giảm giá.  
 b) Nếu mua online thì được giảm tiếp 5% trên giá đã giảm, bạn Tâm mua online 1 bộ máy vi tính cùng giá với Bình vào ngày trên thì phải trả bao nhiêu tiền?

**Bài 6(1đ):**

- a) Vẽ điểm M là trung điểm của đoạn thẳng  $AB = 4\text{cm}$ . Tính độ dài đoạn thẳng AM.  
 b) Hình dưới đây có bao nhiêu góc? Kể tên góc vuông, góc nhọn, góc tù có trong hình.



-HẾT-

**Gợi ý đáp án và biểu điểm:**

BÀI	NỘI DUNG	ĐIỂM
Bài 1a	$2\frac{1}{2} \cdot \left(\frac{7}{5} + \frac{-3}{10}\right) - 0,4 = \frac{5}{2} \cdot \left(\frac{14}{10} + \frac{-3}{10}\right) - \frac{2}{5}$ $= \frac{5}{2} \cdot \frac{11}{10} - \frac{2}{5} = \frac{11}{4} - \frac{2}{5} = \frac{47}{20}$	0.5+0.5
Bài 1b	$\left(\frac{2}{11} - \frac{3}{5}\right) : \frac{4}{5} + \frac{-1}{2} = \left(\frac{10}{55} - \frac{33}{55}\right) \cdot \frac{5}{4} + \frac{-1}{2}$ $= \frac{-23}{55} \cdot \frac{5}{4} + \frac{-1}{2} = \frac{-23}{44} + \frac{-22}{44} = \frac{-45}{44}$	0.25 0.25+0.25
Bài 1c	$\left(\frac{1}{3} + \frac{1}{4} - \frac{7}{12}\right) \cdot \left(\frac{1}{2021} + \frac{1}{2022} - \frac{7}{2023}\right)$ $= 0 \cdot \left(\frac{1}{2021} + \frac{1}{2022} - \frac{7}{2023}\right) = 0$	0.25 0.25
Bài 2a	$\text{a) } x + \frac{1}{15} = \frac{1}{5} - \frac{1}{3}$ $x + \frac{1}{15} = -\frac{2}{15}$ $x = -\frac{2}{15} - \frac{1}{15}$	0.5 0.25+0.25

	$x = -\frac{3}{15}$	
<b>Bài 2b</b>	$\left(x + \frac{11}{12}\right) : \frac{7}{6} = \frac{9}{14}$ $x + \frac{11}{12} = \frac{9}{14} \cdot \frac{7}{6}$ $x + \frac{11}{12} = \frac{3}{4}$ $x = \frac{3}{4} - \frac{11}{12}$ $x = -\frac{1}{6}$	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>
<b>Bài 2c</b>	$\frac{7}{6}x + \frac{1}{6}x = \frac{5}{14}$ $x = \frac{5}{14} : \left(\frac{7}{6} + \frac{1}{6}\right)$ $x = \frac{15}{56}$	<p>0.25</p> <p>0.25</p>
<b>Bài 3</b>	<p>a) Số học sinh khối 6 là: <math>800 \cdot \frac{3}{8} = 300</math> học sinh</p> <p>Số học sinh nữ khối 6 là : <math>300 \cdot \frac{3}{5} = 180</math> học sinh</p> <p>Số học sinh khối 6 đi tham quan ngoại khóa là:</p> $100 : \frac{2}{3} = 150$ học sinh	<p>0.75</p> <p>0.75</p> <p>1đ</p>
<b>Bài 4</b>	<p>Đường thẳng AC, đường thẳng BD</p> <p>Điểm E.</p>	<p>0.25+0.25</p> <p>0.5</p>
<b>Bài 5</b>	<p>Số tiền Bình phải trả sau khi được giảm giá:</p> $15\,000\,000 \cdot 90\% = 13\,500\,000$ <p>Số tiền Tâm phải trả sau khi được giảm giá thêm 5%:</p> $13\,500\,000 \cdot 95\% = 12\,852\,000$	<p>0.5</p> <p>0.5</p>
<b>Bài 6</b>	<p>Vẽ hình phải kí hiệu trung điểm</p> <p>AM = 2cm</p> <p>Có 3 góc</p> <p>Góc vuông : góc xOy; góc nhọn: góc yOz; góc tù: góc xOz.</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5 (đúng 1 ý 0.25)</p>